

Số: 2455 /QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 28 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Nhà ở ngày 25/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở;

Căn cứ Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở;

Căn cứ Quyết định số 2161/QĐ-TTg ngày 22/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược phát triển nhà ở quốc gia giai đoạn 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Kết luận số 104-KL/TU ngày 25/6/2020 của Ban Thường vụ Thành ủy Hải Phòng về việc tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 25-NQ/TU ngày 06/01/2009 của Ban Thường vụ Thành ủy về chủ trương, giải pháp tăng cường quản lý nhà nước, phát triển thị trường nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng đất đai, bất động sản thành phố Hải Phòng đến năm 2010, định hướng đến năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc Thông qua Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng đến năm 2020, năm 2025 và năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng đến năm 2020, năm 2025 và năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 3286/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 10/8/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng năm 2021;

Xét báo cáo và đề nghị của Sở Xây dựng tại Văn bản số 2139/SXD-QLN ngày 02/6/2022; số 2784/SXD-QLN ngày 12/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng năm 2022 (có Kế hoạch chi tiết kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

a. Giao Sở Xây dựng:

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các quận, huyện và các Sở, Ban, ngành có liên quan thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch phát triển nhà ở; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện.

- Tiếp nhận các thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản do các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân cung cấp để tích hợp, cập nhật bổ sung thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản.

- Chủ trì thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở, triển khai các chính sách và giải quyết các khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện chính sách, kế hoạch phát triển nhà ở; báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố xem xét điều chỉnh Kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định (nếu cần thiết).

b. Các Sở, Ban ngành liên quan:

Theo chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các quận, huyện triển khai thực hiện Kế hoạch. Trong quá trình thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở nếu có vướng mắc báo cáo Sở Xây dựng để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết.

c. Các tổ chức đoàn thể:

Tổ chức tuyên truyền, vận động các tổ chức, nhân dân phối hợp, tham gia thực hiện Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng năm 2022, tham gia hỗ trợ, xây dựng nhà ở cho hộ nghèo, hộ gia đình chính sách.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, Ban, ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, cá nhân, tổ chức liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Nguyễn Đức Thọ;
- Các PCVP UBND TP;
- Các Phòng: XD, GT&CT; TC-NS; NC&KT, GS;
- CV: XD3, XD.
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Thọ

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG NĂM 2022**

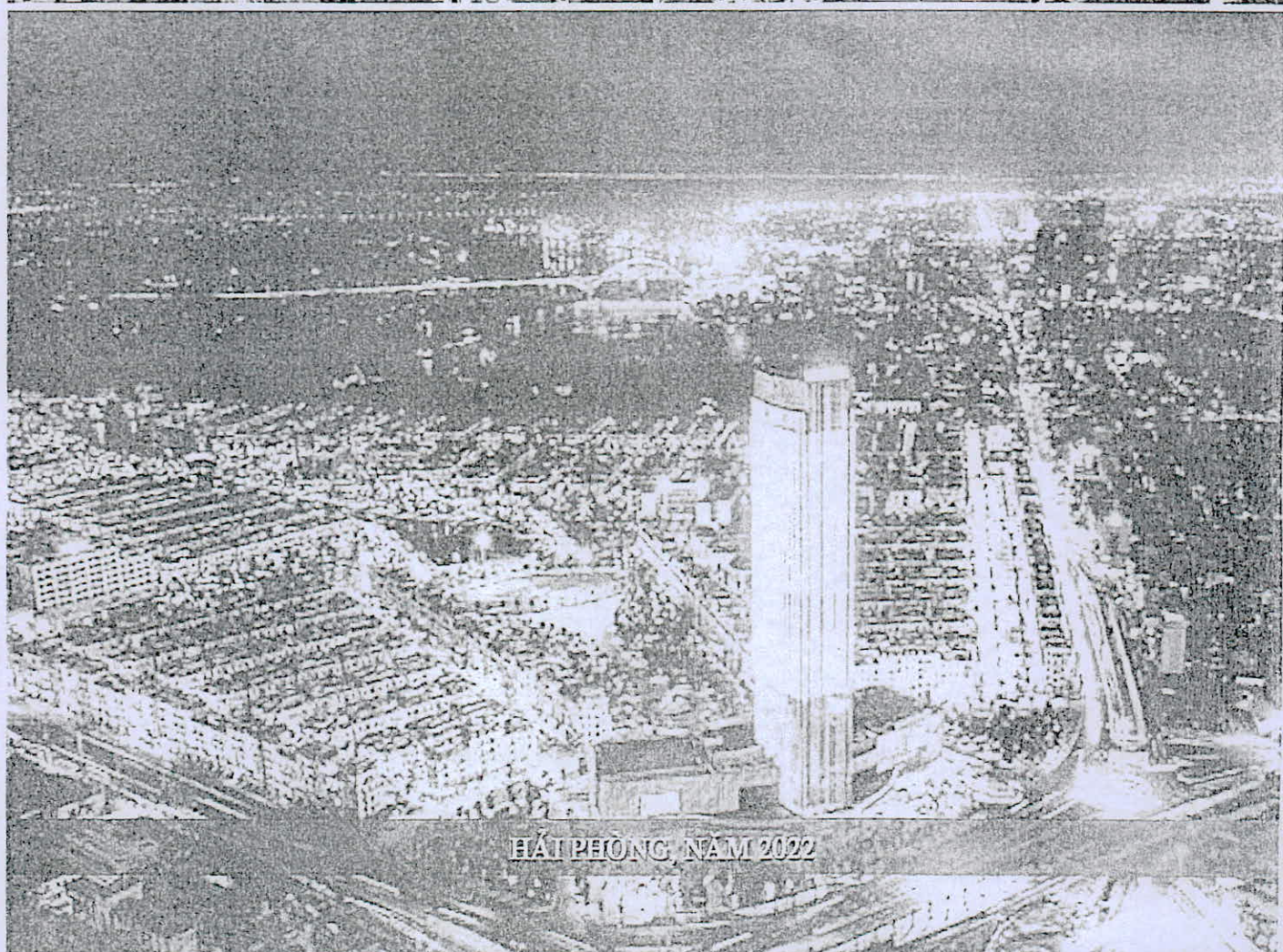
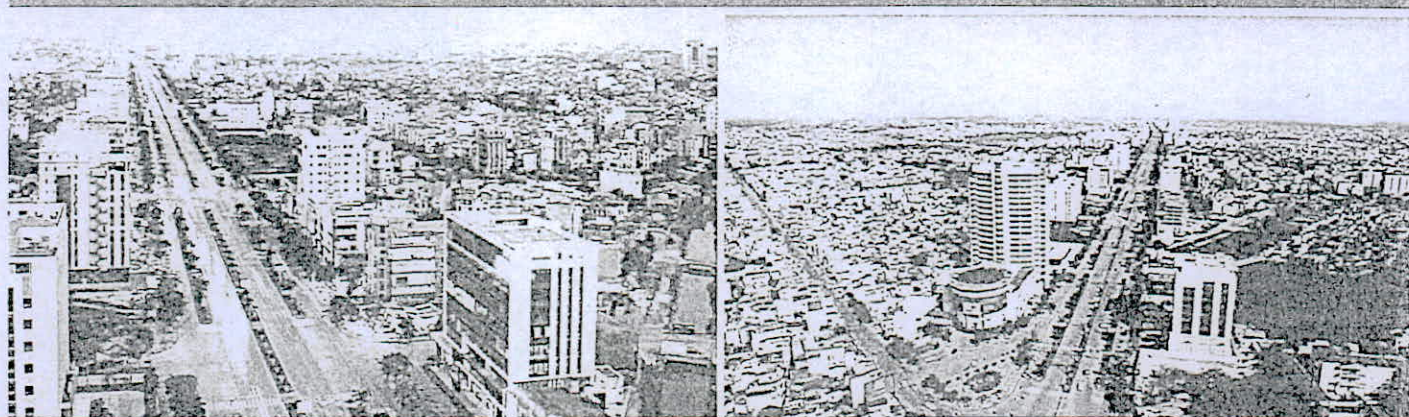
*(Kèm theo Quyết định số 2455 /QĐ-UBND ngày 28 / 7 /2022
của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Hải Phòng 2022



ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG NĂM 2022



HẢI PHÒNG, NĂM 2022

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NĂM 2022	6
I. Tổng kết thực hiện kế hoạch năm 2021	6
1. Các chỉ tiêu trong Kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm đã phê duyệt.....	6
2. Tổng kết thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021	6
II. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà ở năm 2022	9
1. Kế hoạch phát triển nhà ở thương mại	10
2. Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội	11
3. Kế hoạch xây dựng cải tạo chung cư cũ	11
4. Phát triển nhà ở dân tự xây	12
5. Vị trí, khu vực phát triển nhà ở.....	12
6. Diện tích đất để xây dựng nhà ở năm 2022	13
7. Nguồn vốn thực hiện	14
CHƯƠNG II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	15
1. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành.....	15
2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện.....	18
3. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án nhà ở.....	18
PHỤ LỤC I: DANH MỤC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI.....	19
1. DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI ĐÃ CHẤP THUẬN CHỦ CHƯƠNG ĐẦU TƯ (ĐANG TRIỂN KHAI XÂY DỰNG HOẶC ĐANG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ).....	19
2. DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI ĐANG TRIỂN KHAI.....	23
PHỤ LỤC II: DANH MỤC BỔ SUNG VỊ TRÍ DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ	24
1. DANH MỤC VỊ TRÍ, KHU VỰC DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI, KĐT, KDC.....	24
2. DANH MỤC VỊ TRÍ, KHU VỰC DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI.....	31
3. DANH MỤC VỊ TRÍ, KHU VỰC DỰ KIẾN THỰC HIỆN DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ, ĐẤU GIÁ ĐẤT (CÓ ĐẦU TƯ XD HTKT) CHO DÂN TỰ XD....	34

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

KĐT	Khu đô thị
KDC	Khu dân cư dân cư
TĐC	Tái định cư

- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 25/11/2014 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2015;

- Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-BXD ngày 14/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc hợp nhất Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Nhà ở và Nghị định số 30/2019/NĐ-CP ngày 28 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở; Nghị định số 30/2021/NĐ-CP ngày 26/03/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành 1 số điều của Luật Nhà ở

- Văn bản hợp nhất số 03/VBHN-BXD ngày 24/6/2021 của Bộ Xây dựng về việc hợp nhất Nghị định số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về việc phát triển và quản lý nhà ở xã hội và Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của NĐ số 100/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015;

- Nghị quyết số 40/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố về việc thông qua Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng đến năm 2020, năm 2025 và năm 2030.

- Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 12/4/2022 của HĐND thành phố về Đề án xây dựng nhà ở xã hội kết hợp giải quyết nhà ở cho các hộ dân sinh sống tại các chung cư cũ trên địa bàn thành phố.

- Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 22/01/2019 của UBND thành phố về việc phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng đến năm 2020, 2025 và năm 2030.

- Quyết định số 3286/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của UBND thành phố Hải Phòng về việc Phê duyệt Kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2025.

- Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 10/08/2021 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng năm 2021.

CHƯƠNG I: KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NĂM 2022

I. Tổng kết thực hiện kế hoạch năm 2021

1. Các chỉ tiêu trong Kế hoạch phát triển nhà ở 05 năm đã phê duyệt

Chỉ tiêu phát triển nhà ở trong năm 2022 căn cứ theo chỉ tiêu phát triển nhà ở 05 năm giai đoạn 2021 - 2025 được phê duyệt. Các chỉ tiêu phát triển nhà ở được phê duyệt tại Quyết định số 3286/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 và Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 10/08/2021 của UBND thành phố Hải Phòng phê duyệt kế hoạch phát triển nhà ở thành phố Hải Phòng năm 2021 cụ thể như sau:

CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở ĐẾN NĂM 2025 VÀ NĂM 2021

(Ban hành kèm theo Quyết định số 3286/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 và Quyết định số 2259/QĐ-UBND ngày 10/08/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Chỉ tiêu phấn đấu đạt được	Đến năm 2025	Năm 2021
1	Diện tích nhà ở bình quân	28,3 m ² /người	25,7 m ² /người
2	Diện tích nhà ở tăng thêm toàn thành phố	10.755.000 m ² sàn	1.891.314 m ² sàn
	a) Nhà ở thương mại	2.500.000 m ² sàn	420.652 m ² sàn
	b) Nhà ở xã hội	605.770 m ² sàn	11.700 m ² sàn
	c) Cải tạo chung cư cũ	354.420 m ² sàn	0
	d) Nhà ở người dân tự xây dựng	7.294.810 m ² sàn	1.458.962 m ² sàn

2. Tổng kết thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở năm 2021

2.1. Kết quả công tác phát triển nhà ở theo dự án

** Dự án đầu tư xây dựng nhà ở hoàn thành trong năm 2021*

Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, năm 2021 trên địa bàn thành phố có 12 dự án đầu tư xây dựng nhà ở (10 dự án nhà ở thương mại, KĐT, KDC; 02 dự án nhà ở xã hội) có sản phẩm hoàn thành đưa vào sử dụng, tổng quy mô cung ứng khoảng 218.517 m² sàn, tương ứng 1.486 căn nhà.

DANH MỤC DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NHÀ Ở CÓ SẢN PHẨM ĐƯA RA THỊ TRƯỜNG NĂM 2021

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Hoàn thành năm 2021	
				Diện tích (m ² sàn)	Số căn (căn)
	Toàn thành phố			218.517	1.486
I	Quận Hồng Bàng			56.756	312
1	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở Him Lam - Hùng Vương, tuyến đường nối QL5 mới và QL5 cũ	Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng	Quốc lộ 5, Hùng Vương	40.374	197
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu chung	Công ty TNHH	Số 2A Sở Dầu,	12.896	99

	cư cao tầng để bán và cho thuê, tòa nhà văn phòng cho thuê	Đầu tư Grand Pacific	Hồng Bàng		
3	Dự án Hoàng Huy - Sờ Dầu	CTCP xây dựng Đại Thịnh Vượng	Số 2A Sờ Dầu, Hồng Bàng	3.486	16
II	Quận Lê Chân			36.000	474
1	Chung cư Chiyoda (Lô A thuộc lô CT3 của dự án phát triển khu đô thị ven sông)	Công ty TNHH Chiyoda Việt Nam	Tại phường Vĩnh Niệm	36.000	474
III	Quận Hải An			13.293	21
1	Dự án khu nhà ở tại phường Đằng Hải- Nam Hải	Công ty CP Phúc Lộc	phường Đằng Hải- Nam Hải	13.293	21
IV	Quận Đồ Sơn			18.426	91
1	Dự án Khu đô thị du lịch Đồ Sơn	Cty CP Ngân Anh	Ngọc Xuyên, Ngọc Hải	18.426	91
V	Huyện Thủy Nguyên			57.601	288
1	Dự án Sakura Garden	Công ty TNHH VSIP Hải Phòng	Khu đô thị công nghiệp VSIP, Thủy Nguyên	29.753	149
2	Dự án nhà ở Việt Nhân 1	Công ty TNHH VSIP Hải Phòng	Khu đô thị công nghiệp VSIP, Thủy Nguyên	27.848	139
VI	Huyện An Dương			16.646	201
1	Dự án ĐTXD Khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Trảng Duệ (quy mô 42,08ha)	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng	xã Lê Lợi và xã Quốc Tuấn	4.946	16
2	Khu nhà ở cho người thu nhập thấp	Công ty TNHH PRUKSA Việt Nam	Xã An Đồng	6.300	90
3	Đầu tư khu nhà ở xã hội tại xã An Đồng, huyện An Dương	CTCP dịch vụ đầu tư tài chính Hoàng Huy	Xã An Đồng – Huyện An Dương	5.400	95
VII	Huyện Cát Hải			19.795	99
1	Khu đô thị du lịch Cái Giá (Cát Bà Amatina)	Cty Vinaconex - ICT	Cái Giá, Cát Bà	19.795	99

** Dự án đầu tư xây dựng nhà ở mới chấp thuận chủ trương đầu tư trong năm 2021:*

Kết quả thực hiện trong năm 2021: Do ảnh hưởng dịch bệnh Covid 19, chỉ có 10 dự án đầu tư xây dựng nhà ở đã được chấp thuận chủ trương (không bao gồm quyết định điều chỉnh chủ trương đầu tư) với tổng quy mô 32,50 ha; trong đó:

DANH MỤC DỰ ÁN ĐƯỢC CHẤP THUẬN CHỦ TRƯỞNG TRONG NĂM 2021

STT	Tên dự án	Địa điểm	Diện tích đất (ha)
I	Toàn thành phố		32,50
1.1	Xây dựng công trình đa chức năng (đất ở kết hợp thương mại, dịch vụ) tại số 4 Trần Phú	Số 4 Trần Phú, Ngô Quyền	1,34
1.2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật và khu nhà ở hồ điều hòa Tây Sơn thuộc công viên rừng Thiên Văn	Phường Trần Thành Ngọ, Kiến An	7,11
1.3	Dự án Phát triển khu dân cư tại thị trấn Vĩnh Bảo	Xứ đồng Cửa Đông, Cửa Tây, thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	9,80
1.4	Dự án xây dựng khu nhà ở thương mại tại lô N/29-15A và N/29-16 trên địa bàn phường Kênh Dương	Tổ 11 phường Kênh Dương, quận Lê Chân	0,69
1.5	Dự án Khu phức hợp Vương miện kim cương Hải Phòng (Diamond Crown Complex Hai Phong)	Lô số 01/8B Khu đô thị mới Ngã 5 - Sân bay Cát Bi, phường Đông Hải 1, quận Hải An	1,29
1.6	Dự án Khu nhà ở tại phường Minh Đức, quận Đồ Sơn	Phường Minh Đức, Đồ Sơn	1,31
1.7	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại xứ đồng Kênh, thôn Lê Sáng, xã An Hồng	Xứ đồng Kênh, thôn Lê Sáng, xã An Hồng, huyện An Dương	4,80
1.8	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại khu Quai Chảo, thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi	Khu Quai Chảo, thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện An Dương	1,45
1.9	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại khu Ải Bà Chúc, thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi	Khu Ải Bà Chúc, thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi, huyện An Dương	2,92
1.10	Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị tại số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng	Số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng	1,80

2.2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà ở năm 2021

Đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu trong năm 2021:

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN NHÀ Ở NĂM 2021

(Chỉ tiêu phát triển nhà ở năm 2021 ban hành Kèm theo Quyết định số 3286/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng)

STT	Chỉ tiêu phấn đấu đạt được	Chỉ tiêu năm 2021 theo kế hoạch đề ra	Kết quả thực hiện đến hết năm 2021
1	Diện tích nhà ở bình quân	25,7 m ² /người	25,7 m ² /người
2	Diện tích nhà ở tăng thêm toàn thành phố	1.891.314 m ² sàn	1.758.517 m ² sàn
	a) Nhà ở thương mại	420.652 m ² sàn	206.817 m ² sàn
	b) Nhà ở xã hội	11.700 m ² sàn	11.700 m ² sàn
	c) Nhà ở dân tự xây	1.458.962 m ² sàn	1.540.000 m ² sàn

Như vậy, đến hết năm 2021, kết quả thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà ở theo Quyết định số 3286/QĐ-UBND ngày 27/10/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng cơ bản đã đạt và vượt so với kế hoạch, cụ thể:

- Chỉ tiêu phát triển nhà ở thương mại đạt 49,17% so với mục tiêu đề ra (206.817/420.652 m² sàn.)

- Chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội đạt 100% so với mục tiêu đề ra (11.700/11.700 m² sàn.)

- Chỉ tiêu xây dựng cải tạo chung cư cũ: Chưa đạt.

Trong năm 2021, việc cải tạo chung cư cũ gặp nhiều khó khăn, kết quả sử dụng quỹ đất mời gọi đầu tư còn hạn chế.

- Chỉ tiêu phát triển nhà ở do hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng đạt và vượt so với mục tiêu đề ra (1,54 triệu/1,45 triệu m² sàn).

- Đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân toàn thành phố 25,7/25,7 m²/người.

- Chỉ tiêu diện tích nhà ở tăng thêm toàn thành phố đạt 93% so với mục tiêu đề ra (1,75 triệu/1,89 triệu m² sàn).

- Tỷ lệ nhà ở kiên cố và bán kiên cố đạt 100%. Không còn nhà ở thiếu kiên cố và đơn sơ.

II. Kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu phát triển nhà ở năm 2022

Kế hoạch phát triển nhà ở theo các loại hình năm 2022 như sau:

Diện tích nhà ở bình quân đạt 26,18 m²/người. Phân đầu nâng cao chất lượng nhà ở (diện tích sàn nhà ở tối thiểu đạt 10,7 m² sàn/người).

Tổng diện tích sàn nhà ở tăng thêm là 2.385.387 m²; trong đó:

- Diện tích sàn nhà ở thương mại hoàn thành là 645.289 m².

- Diện tích sàn nhà ở xã hội hoàn thành là 76.901 m².

- Diện tích sàn nhà ở hoàn thành của hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng là 1.663.200 m².

Diện tích sàn hoàn thành các loại hình nhà ở năm 2022

Đơn vị: m² sàn.

STT	Loại nhà ở	Giai đoạn 2021-2025		Năm 2022	
		Diện tích	Số căn	Diện tích	Số căn
I	Nhà ở thương mại	2.500.000	14.155	645.287	3.604
1	Hoàn thành từ DADXĐ	1.790.539	7.402	645.286	3.604
2	Hoàn thành từ dự án phát triển mới	709.461	6.753		
II	Nhà ở xã hội	605.770	10.140	76.901	927
1	Hoàn thành từ DADXĐ	224.747	2.215	76.901	927

2	Hoàn thành từ dự án phát triển mới	381.023	7.925		
III	Xây dựng cải tạo chung cư cũ (Chương trình mục tiêu)	354.420	5.402	0	0
1	Hoàn thành từ DADXĐ	0	0	0	0
2	Hoàn thành từ dự án phát triển mới	354.420	5.402	0	0
IV	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	7.294.810	60.790	1.663.200	13.860
1	Trong khu dân cư hiện hữu	7.294.810	60.790	1.663.200	13.860
	Tổng	10.755.000	90.487	2.385.388	18.391

Tỷ lệ các loại nhà ở (nhà ở thấp tầng, nhà chung cư) hoàn thành trong năm 2022:

- Nhà ở chung cư hoàn thành 244.377 m² sàn (chiếm 9%).
- Nhà ở thấp tầng hoàn thành 2.141.011 m² sàn (chiếm 90%).

Chỉ tiêu tổng diện tích sàn nhà ở, diện tích nhà ở bình quân năm 2022 như sau:

Năm	Dân số (người)	DTBQ (m ² /người)	Tổng diện tích (m ²)
2020	2.053.493	25,2	51.748.024
2021	2.080.488	25,69	53.440.134
2022	2.107.483	26,18	55.176.888
2023	2.134.478	26,79	57.174.178
2024	2.161.473	27,61	59.673.825
2025	2.188.468	28,30	61.933.653

1. Kế hoạch phát triển nhà ở thương mại

Giai đoạn 2021 - 2025, hoàn thành khoảng 2.500.000 m² sàn nhà ở thương mại xây dựng mới, trong đó:

- + Có 1.790.539 m² sàn hoàn thành từ các dự án đang triển khai xây dựng (đã có văn bản chấp thuận đầu tư), danh sách và quy mô hoàn thành của từng dự án tại Phụ lục I của kế hoạch.
- + Có 709.461 m² sàn hoàn thành từ các dự án đang kêu gọi đầu tư phát triển mới (hiện tại chưa có văn bản chấp thuận đầu tư).

Trong quá trình tổng kết, xây dựng kế hoạch hàng năm, tùy thuộc quy mô hoàn thành từ các dự án đang triển khai¹ để kêu gọi đầu tư, đảm bảo đạt mục tiêu 2.500.000 m² sàn hoàn thành trong giai đoạn 2021 - 2025.

¹ Trên cơ sở tổng kết tiến độ thực hiện của các dự án đang triển khai, hàng năm Sở Xây dựng đánh giá quy mô diện tích sàn hoàn thành thực tế, từ đó lập kế hoạch kêu gọi đầu tư phát triển mới, đảm bảo diện tích sàn nhà ở hoàn thành trong giai đoạn 2021 – 2025 đạt 2,5 triệu m² sàn như mục tiêu đã đề ra.

Năm 2022, dự kiến diện tích sàn nhà ở thương mại hoàn thành 645.287 m² sàn nhà ở từ các dự án đang xây dựng. Năm 2022 tiếp tục kêu gọi đầu tư các dự án mới để hoàn thành mục tiêu đề ra theo Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 và Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2030.

2. Kế hoạch phát triển nhà ở xã hội

Giai đoạn 2021 - 2025 phát triển nhà ở xã hội xây dựng mới, hoàn thành khoảng 605.770 m² sàn, trong đó:

- Có 224.747 m² sàn hoàn thành từ các dự án nhà ở xã hội đang triển khai xây dựng (đã có văn bản chấp thuận đầu tư), danh sách và quy mô hoàn thành của từng dự án tại Phụ lục I của kế hoạch.

- Có 381.023 m² sàn hoàn thành từ các dự án nhà ở xã hội đang kêu gọi đầu tư phát triển mới (hiện tại chưa có văn bản chấp thuận đầu tư).

Trong quá trình tổng kết, xây dựng kế hoạch hàng năm, tùy thuộc quy mô hoàn thành từ các dự án đang triển khai² để kêu gọi đầu tư, đảm bảo đạt mục tiêu 605.770 m² sàn hoàn thành trong giai đoạn 2021- 2025.

Năm 2022, dự kiến diện tích sàn nhà ở xã hội hoàn thành 76.901 m² sàn nhà ở (trong đó có khoảng 16.796 m² sàn nhà ở xã hội cho thuê). Năm 2022 tiếp tục kêu gọi đầu tư các dự án mới để hoàn thành mục tiêu đề ra theo Kế hoạch phát triển nhà ở giai đoạn 2021-2025 và Chương trình phát triển nhà ở đến năm 2030.

3. Kế hoạch xây dựng cải tạo chung cư cũ

Thực hiện Nghị định số 101/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ về cải tạo, xây dựng lại chung cư cũ (nay được thay thế bởi Nghị định số 69/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ), thành phố đã triển khai phá dỡ 18 chung cư, quy mô 973 căn hộ (01 chung cư U19 Lam Sơn; 03 chung cư U1, U2, U3 Lê Lợi; 14 khu chung cư Đồng Quốc Bình) để xây mới 07 chung cư (gồm 01 toà tại vị trí U19 Lam Sơn; 02 toà N1, N2 tại vị trí U1, U2, U3 Lê Lợi; 04 toà chung cư Đồng Quốc Bình), với tổng số 2.654 căn hộ; cụ thể:

- Năm 2017: Xây dựng khu chung cư U19 Lam Sơn (phá dỡ 01 chung cư cũ 03 tầng, quy mô 43 căn hộ để xây dựng chung cư mới cao 05 tầng, quy mô 56 căn hộ);

- Năm 2018: Xây dựng khu chung cư N1+N2 Lê Lợi (phá dỡ 03 chung cư cũ 03 tầng, quy mô 103 căn hộ để xây dựng 02 chung cư mới cao 06 tầng, quy mô 126 căn hộ);

- Năm 2018-2021: Xây dựng chung cư HH3-HH4 Đồng Quốc Bình (phá dỡ 04 chung cư cũ 05 tầng, quy mô 314 căn hộ để xây dựng 02 toà chung cư mới cao

² Tương tự cách tính toán nhà ở thương mại đầu tư xây dựng mới.

29 tầng, quy mô 1.456 căn hộ);

- Năm 2019-2022: Xây dựng chung cư HH1-HH2 Đồng Quốc Bình (phá dỡ 10 chung cư cũ 03 tầng, quy mô 513 căn hộ để xây dựng 02 toà chung cư mới cao 29 tầng, quy mô 1.016 căn hộ); Hiện tại, công trình đã thi công xong phần thô, đang triển khai thi công phần hoàn thiện. Dự kiến bàn giao công trình đưa vào sử dụng trong năm 2022.

4. Phát triển nhà ở dân tự xây

Dự kiến giai đoạn 2021 - 2025 nhà ở dân tự xây đạt 7,29 triệu m² sàn nhà ở. Trong đó năm 2022 đạt 1,66 triệu m² sàn nhà ở.

5. Vị trí, khu vực phát triển nhà ở

Căn cứ số liệu báo cáo của Ủy ban nhân dân các quận, huyện trên địa bàn thành phố và số liệu khảo sát thực tế các dự án, vị trí, khu vực phát triển nhà ở bao gồm:

- 49 vị trí đang triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng nhà ở, chủ yếu tập trung tại quận Hải An (10 dự án), huyện Thủy Nguyên (08 dự án).

- 429 vị trí, khu vực dự kiến phát triển nhà ở theo đề xuất của Ủy ban nhân dân các quận huyện tại Phụ lục II của Kế hoạch.

(Số lượng vị trí này có thể thay đổi, cập nhật, bổ sung trong kế hoạch hàng năm để phù hợp với tình hình phát triển thực tế)

Cụ thể số lượng các vị trí, khu vực tại các đơn vị hành chính như sau:

STT	Đơn vị	Dự án đang triển khai		Tổng số	Vị trí dự kiến phát triển			Tổng số
		Dự án nhà ở thương mại, khu đô thị, khu nhà ở	Dự án nhà ở xã hội		Dự án nhà ở thương mại, khu đô thị, khu nhà ở	Dự án nhà ở xã hội	Dự án phục vụ tái định cư	
	Thành phố	44	5	49	171	49	209	429
1	Quận Hồng Bàng	5	0	5	16	-	6	22
2	Quận Ngô Quyền	2	1	3	10	2	3	15
3	Quận Lê Chân	7	0	7	9	2	1	12
4	Quận Hải An	8	2	10	14	5	12	31
5	Quận Kiến An	2	0	2	10	2	9	21
6	Quận Đồ Sơn	4	0	4	6	-	5	11
7	Quận Dương Kinh	1	1	2	12	1	55	68
8	Huyện Thủy Nguyên	8	0	8	21	6	12	39
9	Huyện An Dương	5	1	6	34	4	1	39
10	Huyện An Lão	0	0	0	4	5	58	67
11	Huyện Kiến Thụy	0	0	0	16	-	14	30

12	Huyện Tiên Lãng	0	0	0	8	4	11	23
13	Huyện Vĩnh Bảo	1	0	1	7	-	21	28
14	Huyện Cát Hải	1	0	1	4	-	1	5
15	Huyện Bạch Long Vĩ	0	0	0	-	-	-	0
16	Các vị trí phát triển nhà ở xã hội (theo quy hoạch) tại các Khu/Cụm công nghiệp	0	0	0	-	18	-	18

(Chi tiết tại Phụ lục I và Phụ lục II kèm theo Kế hoạch)

6. Diện tích đất để xây dựng nhà ở năm 2022

- Diện tích đất để xây dựng các loại nhà ở năm 2022 như sau:

Diện tích đất để xây dựng các loại nhà ở năm 2022

Đơn vị: ha

STT	Loại hình nhà ở	Quỹ đất ở để xây dựng nhà ở năm 2022 ³	Quỹ đất phát triển nhà ở theo dự án mới năm 2022
1	Nhà ở thương mại	513,6	1.284,1
2	Nhà ở xã hội	29,3	73,2
3	Nhà ở theo chương trình mục tiêu	1,0	2,5
4	Nhà ở công vụ	-	-
5	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	521,0	1.302,5
	Tổng cộng	1.064,9	2.662,2

Cùng với các dự án khu đô thị đang triển khai xây dựng, tiếp tục kêu gọi và chấp thuận đầu tư các dự án nhà ở theo các khu vực đã được quy hoạch để phát triển nhà ở.

Dành quỹ đất cho việc phát triển nhà ở đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch chung xây dựng được phê duyệt, trong đó đặc biệt quan tâm tới quỹ đất bố trí tái định cư phục vụ cho nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng và chỉnh trang đô thị.

Khuyến khích các chủ đầu tư bỏ vốn để xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và được phép khai thác quỹ đất để xây dựng nhà ở, công trình hạ tầng xã hội.

Thực hiện xây dựng, rà soát quy hoạch sử dụng đất trong đó chú trọng đến diện tích đất phát triển nhà ở; đối với khu vực nội đô có mật độ dân cư lớn ưu tiên dành quỹ đất thực hiện việc đầu tư xây dựng nhà chung cư để bố trí tái định cư, tạm cư cho các hộ dân nằm trong diện phải giải tỏa, chỉnh trang đô thị.

³ Năm 2021 đã chấp thuận chủ trương 10 dự án với tổng quy mô đất toàn dự án là 32,50 ha, trong đó có khoảng 13 ha đất ở.

7. Nguồn vốn thực hiện

Căn cứ Suất vốn đầu tư xây dựng nhà ở theo Quyết định số 65/QĐ-BXD ngày 20/01/2021 của Bộ Xây dựng và diện tích tăng thêm của các loại nhà ở trong năm 2022, dự báo nhu cầu nguồn vốn đầu tư nhà ở toàn thành phố trong năm 2022 như sau:

Dự báo nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà ở trong năm 2022

STT	Loại nhà ở	Công trình điển hình	Chỉ tiêu nhà ở tăng thêm 2022 (m ²)	Vốn năm 2022 (tỷ đồng)
I	Nhà ở thương mại	40% nhà ở riêng lẻ, 60% nhà ở chung cư từ 15 đến 20 tầng có 2 tầng hầm	645.286	6.615
II	Nhà ở xã hội	Nhà ở chung cư 10 đến 15 tầng có 1 tầng hầm	76.901	814
III	Nhà ở hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng	Nhà từ 2 đến 3 tầng, BTCT	1.663.200	12.191
	Tổng		2.385.387	19.620

Các nguồn vốn để phát triển nhà ở trên địa bàn thành phố dự kiến bao gồm:

- Phát triển nhà ở thương mại bằng nguồn vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng, .v.v..;

- Nhà ở riêng lẻ tự xây của các hộ gia đình bằng nguồn vốn tích lũy thu nhập của các hộ gia đình;

- Vốn đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chủ yếu từ nguồn vốn xã hội hóa của các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng ưu đãi, Ngân hàng chính sách xã hội vv...

CHƯƠNG II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành

1.1. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

- Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp huyện và các sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện kế hoạch phát triển nhà ở; hướng dẫn, đôn đốc và giải quyết những khó khăn vướng mắc trong quá trình thực hiện theo thẩm quyền và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định đối với trường hợp vượt thẩm quyền; tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố kết quả thực hiện theo định kỳ.

- Phối hợp với các Sở, ngành liên quan và UBND các quận, huyện tham mưu, lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch.

- Công bố công khai, minh bạch nhu cầu và quỹ đất để phát triển nhà ở trên công thông tin điện tử.

- Tổ chức kiểm tra, giám sát, yêu cầu các địa phương và chủ đầu tư báo cáo theo định kỳ, tổng kết tiến độ thực hiện của các dự án đang triển khai, đánh giá quy mô diện tích sàn đã hoàn thành trong năm 2022, khả năng cung ứng của các dự án cho giai đoạn sau, trên cơ sở đó kêu gọi đầu tư phát triển các dự án phát triển nhà ở để đảm bảo diện tích sàn nhà ở hoàn thành trong giai đoạn 2021 – 2025 đạt mục tiêu đã đề ra.

- Đánh giá kết quả thực hiện năm 2022 và nghiên cứu xây dựng Kế hoạch phát triển nhà ở năm 2023 theo đúng quy định của pháp luật và phù hợp với nhu cầu thực tiễn và thị trường.

- Tham mưu thực hiện chức năng quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn thông qua tổ chức xây dựng và thực hiện chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở và phát triển có kiểm soát thị trường bất động sản.

- Tham mưu tiếp tục đẩy mạnh việc phân quyền, cải cách hành chính liên quan đến phát triển nhà ở.

- Quản lý, vận hành hệ thống thông tin về nhà ở và thị trường bất động sản trên hệ thống website: www.bds.xaydung.gov.vn.

1.2. Trách nhiệm của Sở Tài chính

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư tham mưu việc bố trí kế hoạch vốn phát triển nhà ở, đặc biệt là nguồn vốn xây dựng cải tạo chung cư cũ.

- Tham mưu thực hiện bố trí nguồn vốn từ ngân sách địa phương để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội và hỗ trợ về nhà ở cho các đối tượng chính sách xã hội trên phạm vi địa bàn theo quy định của pháp luật.

1.3. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Xây dựng, tổng hợp các chỉ tiêu về phát triển nhà ở của thành phố vào Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội thành phố 5 năm và hàng năm. Phối hợp với Sở Xây dựng đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển nhà ở trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Chủ trì tham mưu đề xuất UBND thành phố chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư, đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về đầu tư, đấu thầu đối với các dự án thuộc phạm vi quản lý.

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án bất động sản để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của thành phố.

1.4. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng cân đối quỹ đất phát triển nhà ở và chuẩn bị quỹ đất xây dựng nhà ở xã hội phù hợp với kế hoạch phát triển nhà ở thành phố được phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và đầu tư, rà soát quỹ đất đã giao cho các chủ đầu tư để đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố thu hồi đất đối với các dự án chậm triển khai hoặc không thực hiện để giao cho các chủ đầu tư khác thực hiện đáp ứng yêu cầu tiến độ.

- Phối hợp cung cấp thông tin về tình hình giao dịch đất ở để cập nhật vào cơ sở dữ liệu chung về nhà ở và thị trường bất động sản của thành phố.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và Ủy ban nhân dân các quận, huyện rà soát lại các quỹ đất đã giao cho các chủ đầu tư xây dựng nhà ở đã và đang triển khai thực hiện để cập nhật kế hoạch sử dụng đất hàng năm phù hợp với Kế hoạch phát triển nhà ở được phê duyệt.

1.5. Trách nhiệm của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

Chủ trì, phối hợp với các Sở, ban ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện và Mặt trận Tổ quốc thành phố tiếp tục rà soát nhu cầu nhà ở của các hộ chính sách, hộ nghèo cần hỗ trợ nhà ở cho trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt.

1.6. Trách nhiệm của Sở Giao thông Vận tải

Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư xây dựng cơ chế thực hiện chính sách đầu tư dự án phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn kết các dự án phát triển nhà ở.

1.7. Trách nhiệm của Ngân hàng Chính sách xã hội

- Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng, Sở Lao Động Thương binh và Xã hội tham gia quản lý nguồn vốn và quản lý việc sử dụng nguồn vốn để phát triển nhà ở xã hội cho các hộ gia đình nghèo, cận nghèo và hộ gia đình người có công với cách mạng;

- Thực hiện huy động tiền gửi tiết kiệm của hộ gia đình, cá nhân trong nước để cho các đối tượng xã hội có nhu cầu mua, thuê mua nhà ở xã hội vay với lãi suất ưu đãi và thời hạn vay dài hạn.

1.8. Trách nhiệm của Ban Quản lý Khu Kinh tế

- Phối hợp với Sở Xây dựng và các cơ quan có liên quan đánh giá, xác định nhu cầu về nhà ở của công nhân, người lao động làm việc tại các KCN để có cơ sở lập và triển khai các dự án phát triển nhà ở dành cho công nhân KCN;

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp, khu chế xuất”.

- Chủ trì thực hiện thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án nhà ở thực hiện khu công nghiệp, khu kinh tế được giao quản lý theo quy định của pháp luật về đầu tư; tổ chức lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nhà ở trong phạm vi quyền hạn được giao theo quy định

1.9. Trách nhiệm của Cục Thuế thành phố

Phối hợp với Sở Xây dựng trong việc cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trong phạm vi quyền hạn được giao.

1.10. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành khác có liên quan

Các Sở, ban, ngành khác có liên quan căn cứ theo nội dung công việc trong phạm vi quyền hạn được giao phối hợp thực hiện cùng các đơn vị được giao chủ trì.

1.11. Liên Đoàn lao động thành phố

Phối hợp với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và các sở, ngành có liên quan triển khai thực hiện Đề án “Đầu tư xây dựng các thiết chế của công đoàn tại các khu công nghiệp”.

1.12. Ủy Ban mặt trận tổ quốc

Tổ chức kêu gọi tài trợ, ủng hộ cho các quỹ vì người nghèo, quỹ đền ơn đáp nghĩa, vv... để hỗ trợ nhà ở cho các đối tượng chính sách, đối tượng đặc biệt khó khăn.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Tổ chức, chỉ đạo triển khai kế hoạch phát triển nhà ở và thực hiện quản lý nhà nước về nhà ở trên địa bàn. Tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch phát triển nhà trên địa bàn và gửi Sở Xây dựng để báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố theo định kỳ hoặc đột xuất;

- Tổ chức thu thập thông tin, dữ liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trong phạm vi quản lý trên địa bàn và gửi về Sở Xây dựng định kỳ hàng quý hoặc đột xuất khi có yêu cầu;

- Rà soát và lựa chọn quỹ đất phù hợp quy hoạch để giới thiệu địa điểm thực hiện các dự án phát triển nhà ở, gửi về Sở Xây dựng để tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố;

- Tổ chức cấp phép xây dựng nhà ở tại khu vực đô thị theo phân cấp thực hiện và phối hợp với Sở Xây dựng thực hiện kiểm tra, giám sát việc thực hiện xây dựng nhà ở sau cấp phép, xử lý các trường hợp xây dựng nhà ở trái phép, không phép theo quy định của pháp luật;

- Thực hiện quản lý xây dựng nhà ở tại khu vực nông thôn trên cơ sở nếu không xin cấp phép thì phải thông báo cho chính quyền địa phương và cam kết thực hiện xây dựng nhà ở đúng trên đất ở thuộc sở hữu hợp pháp. Ủy ban nhân dân cấp huyện chịu trách nhiệm tổng hợp số liệu về tình hình xây dựng nhà ở khu vực nông thôn do Ủy ban nhân dân các xã báo cáo.

3. Trách nhiệm của chủ đầu tư dự án nhà ở

- Triển khai thực hiện các dự án phát triển nhà ở theo đúng nội dung và tiến độ đã được phê duyệt.

- Báo cáo, cung cấp số liệu về nhà ở và thị trường bất động sản trong năm 2022 theo quy định tại Nghị định số 117/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015.

- Xây dựng kế hoạch và lộ trình thực hiện đối với khu đất đầu tư; khẩn trương triển khai các thủ tục đầu tư xây dựng theo đúng quy định; cân đối nguồn vốn để xây dựng cụ thể lộ trình, tiến độ thực hiện để đảm bảo tuân thủ các quy định về lập dự án đầu tư theo quy định.

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về xây dựng, nhà ở, kinh doanh bất động sản và pháp luật có liên quan.

Quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các cơ quan, địa phương, đơn vị liên quan gửi ý kiến phản ánh về Sở Xây dựng để tổng hợp, tham mưu báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, giải quyết./.

PHỤ LỤC I: DANH MỤC DỰ ÁN ĐANG TRIỂN KHAI

1. DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ Ở THƯƠNG MẠI ĐÃ CHẤP THUẬN CHỦ CHƯƠNG ĐẦU TƯ (ĐANG TRIỂN KHAI XÂY DỰNG HOẶC ĐANG LỰA CHỌN NHÀ ĐẦU TƯ)

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô dự án										Hoàn thành giai đoạn 2021-2025		Năm 2022	
				Diện tích đất dự kiến (ha)	Lô nền		Chung cư		Thấp tầng		Tổng cộng						
					Số lô	Diện tích	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	
	Toàn thành phố			2.470,94	1.058	794.230	17.195	1.696.363	31.163	14.948.657	49.737	17.399.271	2.282.032	10.070	645.287	3.613	
I	Quận Hồng Bàng			17,55			2.363	190.399	954	216.467	3.317	406.866	244.399	1.841	128.022	1.222	
1	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở Him Lam - Hùng Vương, tuyến đường nối QL5 mới và QL5 cũ	Công ty Cổ phần Đầu tư Hồng Bàng	Quốc lộ 5, Hùng Vương	12,32					726	148.487	726	148.487	44.546	218	13.364	65	
2	Dự án đầu tư xây dựng Khu chung cư cao tầng để bán và cho thuê, tòa nhà văn phòng cho thuê	Công ty Cổ phần Đầu tư Pacific	Số 2A Sở Dầu, Hồng Bàng	1,89			1.542	99.896			1.542	99.896	41.370	574	20.685	319	
3	Dự án xây dựng Khu nhà ở thương mại	Công ty CP Xây dựng Ngô Quyền	Phường Trại Chuối	0,69					88	17.600	88	17.600	17.600	88	-	-	
4	Dự án Hoàng Huy – Sở Dầu	CTCP xây dựng Đại Thịnh Vượng	Số 2A Sở Dầu, Hồng Bàng	0,85			821	90.503	16	3.471	837	93.973	93.973	837	93.973	837	
5	Dự án phát triển nhà ở, chỉnh trang đô thị		Số 80 Hạ Lý, phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng	1,80					124	46.909	124	46.909	46.909	124			
II	Quận Ngô Quyền			2,13	-	-	1.611	174.500	-	-	1.611	174.500	45.025	429	-	-	
1	Dự án nhà ở Dự án đầu tư xây dựng công trình dịch vụ và nhà ở cao tầng	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Aurora Việt Nam	Phường Đông Khê	0,78			545	73.250			545	73.250	14.650	109	-	-	
2	Công trình đa chức năng (đất ở kết hợp thương mại, dịch vụ) phục vụ đầu tư giá quyền sử dụng đất tại số 4 Trần Phú, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền	Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng HDMON	Số 4 Trần Phú, Ngô Quyền	1,35			1.066	101.250			1.066	101.250	30.375	320	-	-	
III	Quận Lê Chân			27,30			5.790	635.916	649	242.683	6.439	878.599	317.815	2.146	144.557	1.090	
1	Khu đô thị ven sông Lạch Tray	Cty TNHH Agape Việt Nam	Vĩnh Niệm	20,31			604	77.249	468	203.765	1.072	281.014	84.304	322	524	2	
2	Dự án đầu tư xây dựng Hoang Huy Commerce	Công ty Cổ phần Đầu Tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	Phường Vĩnh Niệm và phường Kênh Dương	2,63			3.472	323.085			3.472	323.085	64.617	694	32.309	347	
3	Lô A của Dự án phát triển khu đô thị ven sông	Công ty TNHH Chiyoda Việt Nam	Tại phường Vĩnh Niệm	1,24			790	113.734			790	113.734	56.867	395	22.747	158	
4	Làng Việt Kiều	Công ty CP ĐT và Phát triển Việt Anh	Vĩnh Niệm	2,40					89	17.800	89	17.800	17.800	89	10.680	53	
5	Dự án phát triển Khu đô thị ven sông Lạch Tray (CT1, CT2)	Công ty TNHH Minato Việt Nam	Vĩnh Niệm	1,26			924	121.849			924	121.849	73.109	554	60.929	462	
6	Khu đầu tư để thực hiện dự án Nhà ở thương mại 29-15A+29-16	Công ty TNHH Thành Trung	Tại phường Kênh Dương	0,68					42	13.618	42	13.618	13.618	42	13.618	42	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô dự án										Hoàn thành giai đoạn 2021-2025		Năm 2022	
				Diện tích đất dự kiến (ha)	Lô nền		Chung cư		Thấp tầng		Tổng cộng		Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	
					Số lô	Diện tích	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)					
7	Nhóm nhà ở, công trình công cộng, dịch vụ	Cty CP XD Ngô Quyền	Cát Dài	0,70					50	7.500	50	7.500	7.500	50	3.750	25	
IV	Quận Hải An			1.074,09			1.574	186.539	16.349	9.308.516	17.923	9.495.055	374.376	828	87.468	272	
1	Dự án khu vui chơi giải trí, nhà ở và công viên sinh thái đảo Vũ Yên (dự án nằm tại Quận Hải An và huyện Thủy Nguyên)	Tập đoàn Vingroup	Quận Hải An (872,52ha; Hải An 464,52ha; Thủy Nguyên 408,0ha)	464,52					13.824	5.969.627	13.824	5.969.627	179.089	415	65.691	152	
2	Khu đất trồng đầu giá phường Thành Tô	Công ty CP ĐT Sao Đỏ	P. Thành Tô, Q. Hải An	2,40					83	24.900	83	24.900	12.450	42	12.450	42	
3	Dự án Khu phức hợp Vương miện kim cương Hải Phòng (Diamond Crown Complex Hai Phong)	Công ty CPTM Hải Phòng Plaza	Phường Đằng Hải	1,29			1.574	186.539			1.574	186.539	18.654	157	9.327	79	
4	Dự án KCN, đô thị và dịch vụ Trảng Cát	Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị Trảng Cát	Quận Hải An	584,90					1.748	2.986.200	1.748	2.986.200	89.586	52	-	-	
5	Dự án Khu nhà ở thương mại	Công ty TNHH Thương mại Phú Lâm	Đằng Hải, Nam Hải, Hải An	0,48					29	5.712	29	5.712	1.714	9	-	-	
6	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở thương mại thuộc lô A35		Phường Đằng Hải	8,44					224	106.011	224	106.011	31.803	67	-	-	
7	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở tại phường Nam Hải, Quận Hải An		Phường Nam Hải	11,80					370	187.184	370	187.184	14.975	30	-	-	
8	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại khu đất có diện tích 7.466,46 m²		Phường Trảng Cát	0,75					71	28.882	71	28.882	23.105	57	-	-	
V	Quận Đồ Sơn			552,84	914	667.717	224	17.920	261	274.465	1.399	970.102	116.601	215	18.955	89	
1	Dự án Khu đô thị du lịch Đồ Sơn	Cty CP Ngân Anh	Ngọc Xuyên, Ngọc Hải	69,20	682	166.336	224	17.920			906	184.256	27.638	136	13.819	68	
2	Đầu giá dự án khu nhà ở tại phường Minh Đức (thu hồi của Công ty Viễn thông Hải Phòng)	Công ty TNHH DVTM Nam Hà Nội	Phường Minh Đức	1,3	79	5.233					79	5.233	1.047	16	314	5	
3	Dự án khu quốc tế Đồi Rồng	CT CP Vạn Hương	Phường Vạn Hương	480,00	153	506.148			188	241.615	341	747.763	74.776	34	4.822	16	
4	Đầu tư xây dựng khu nghỉ dưỡng cao cấp Oriental Beach tại phường Ngọc Xuyên	Công ty CP thương mại và dịch vụ du lịch Ngân Anh	Phường Ngọc Xuyên	3,64					73	32.850	73	32.850	13.140	29	-	-	
VI	Huyện Thủy Nguyên			551,67	-	-	4.009	353.455	10.966	4.308.811	14.975	4.662.266	706.608	2.628	240.836	757	
1	Khu vui chơi, giải trí, nhà ở và công viên sinh thái đảo Vũ Yên	Công ty CP Tập đoàn Vingroup	Tại xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên	408,00					6.101	2.759.511	6.101	2.759.511	82.785	183	-	-	

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô dự án								Hoàn thành giai đoạn 2021-2025		Năm 2022		
				Diện tích đất dự kiến (ha)	Lô nền		Chung cư		Thấp tầng		Tổng cộng					
					Số lô	Diện tích	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)
2	Dự án khu đô thị mới Hoàng Huy NewCity	Công ty Cổ phần đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	Xã Tân Dương xã Dương Quan	14,70					491	152.166	491	152.166	152.166	491	45.650	147
3	Dự án Khu đô thị Hoàng Huy Green River tại xã Hoa Động	Công ty cổ phần đầu tư dịch vụ tài chính Hoàng Huy	Tại xã Hoa Động	70,20			2.463	260.668	1.839	716.450	4.302	977.118	97.712	430	29.314	129
4	Dự án: Trung tâm thương mại, văn phòng, chung cư, biệt thự cao cấp bán và cho thuê, khách sạn 5 sao và khu ẩm thực chợ đêm tại xã Thủy Đường, xã Hòa Bình	Công ty cổ phần Union Success Việt Nam	Xã Thủy Đường và xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên	30,70			1.546	92.787	1.032	270.371	2.578	363.158	72.632	516	7.263	52
5	Dự án Việt Nhân 2	Công ty TNHH VSIP Hải Phòng	Xã Thủy Đường và xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên	3,56			-	0	213	60.226	213	60.226	30.113	107	10.000	35
6	Khu nhà phố Bắc Sông Cấm	Công ty TNHH VSIP Hải Phòng	Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải phòng	10,18			-	-	330	158.087	330	158.087	156.000	326	120.000	250
7	Dự án Sakura Garden	Công ty TNHH VSIP Hải Phòng	Khu đô thị công nghiệp VSIP, Thủy Nguyên	9,56					496	99.176	496	99.176	59.506	298	11.901	60
8	Dự án nhà ở Việt Nhân 1			4,77			-	-	464	92.825	464	92.825	55.695	278	16.709	84
VII	Huyện An Dương			51,46	594	116.513	1.126	87.834	641	200.870	2.361	405.217	165.510	775	11.292	88
1	Dự án ĐTXD Khu đô thị dịch vụ thương mại và nhà ở công nhân Tràng Duệ (quy mô 42,08ha)	Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Sài Gòn - Hải Phòng	Xã Lê Lợi và xã Quốc Tuấn	41,22	594	116.513	1.126	87.834	121	46.214	1.841	250.561	50.112	368	11.292	88
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng để thực hiện dự án nhà ở thương mại tại thôn Văn Phong	CTCP Đầu tư xây lắp Ngân Hà	Xã Đồng Thái	1,00					69	2.600	69	2.600	2.600	69	-	-
3	Dự án nhà ở thương mại tại khu Ái Bà Chúc thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi	Công ty CP kinh doanh DVTM Cầu Vồng Hoa Lan 7&1	Xã Lê Lợi	2,92					142	49.343	142	49.343	49.343	142	-	-
4	Dự án nhà ở thương mại tại khu Quai Chảo thôn Trạm Bạc, xã Lê Lợi	Công ty CP kinh doanh DVTM Cầu Vồng Hoa Lan 7&1	Xã Lê Lợi	1,45					82	24.196	82	24.196	24.196	82	-	-
5	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại xứ đồng Kênh thôn Lê Sáng, xã An Hồng		Xã An Hồng	4,87					227	78.517	227	78.517	39.259	114	-	-
VIII	Huyện Cát Hải			172,27			498	49.800	459	91.777	957	141.577	70.789	479	14.158	96
1	Khu đô thị du lịch Cái Giã (Cát Bà Amatina)	Cty Vinaconex - ICT	Cái Giã, Cát Bà	172,27			498	49.800	459	91.777	957	141.577	70.789	479	14.158	96
IX	Huyện Vĩnh Bảo			9,80			-	-	387	152.891	387	152.891	91.735	232	-	-
1	Dự án phát triển khu dân cư tại thị trấn Vĩnh Bảo, huyện Vĩnh Bảo	Công ty Cổ phần May - Diêm Sài Gòn	Thị trấn Vĩnh Bảo	9,80					387	152.891	387	152.891	91.735	232	-	-

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô dự án								Hoàn thành giai đoạn 2021-2025		Năm 2022		
				Diện tích đất dự kiến (ha)	Lô nền		Chung cư		Thấp tầng		Tổng cộng		Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)
					Số lô	Diện tích	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)	Số căn (căn)	Diện tích (m² sàn)						
X	Quận Kiến An			9,11	-	-	-	-	368	112.196	368	112.196	112.196	368	-	-
1	Dự án: Xây dựng Hạ tầng kỹ thuật và Khu nhà ở Hồ điều hòa Tây Sơn thuộc Công viên Rừng Thiên Văn		Phường Trần Thành Ngọ, quận Kiến An	7,11			-	-	211	80.796	211	80.796	80.796	211	-	-
2	Dự án nhà ở thương mại đối với khu đất tại tổ dân phố Đồng Khê 1, phường Đồng Hòa	Công ty CP đầu tư Solaris Việt Nam	Phường Đồng Hòa	2,00			-	-	157	31.400	157	31.400	31.400	157	-	-
XI	Quận Dương Kinh			2,72	-	-	-	-	129	39.980	129	39.980	39.980	129	-	-
1	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất khi chưa xây dựng hạ tầng kỹ thuật dự án 2,72 ha tại các phường Anh Dũng, Hưng Đạo quận Dương Kinh, thành phố Hải Phòng	Công ty CP tập đoàn đầu tư Hoàng Hà	phường Anh Dũng, phường Hưng Đạo	2,72					129	39.980	129	39.980	39.980	129	-	-

2. DANH MỤC DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI ĐANG TRIỂN KHAI

STT	Dự án	Chủ đầu tư	Địa điểm	Quy mô dự án dự kiến			Hoàn thành giai đoạn 2021 - 2025		Năm 2022	
				Diện tích đất dự kiến (ha)	Số căn (căn)	Diện tích sàn (m ²)	Diện tích (m ²)	Số căn (căn)	Diện tích (m ²)	Số căn (căn)
	Toàn thành phố			13,95	3.756	281.682	232.361	3.142	76.901	927
I	Quận Hải An			6,05	2.250	170.398	127.643	1.768	0	0
1	Khu chung cư cao tầng cho người thu nhập thấp thuộc dự án khu ĐTM tại Phường Đằng Hải	Công ty Cổ phần Xây dựng Phát triển Nhà	Lô số N17 thuộc Khu đô thị mới Phường Đằng Hải, Quận Hải An	1,01	688	61.078	18.323	206	-	-
2	Dự án nhà ở công nhân Công ty TNHH Pegatron	Công ty TNHH Pegatron Việt Nam	Khu kinh tế Đình Vũ - Cát Hải, phường Đông Hải	5,04	1.562	109.320	109.320	1.562	0	0
II	Quận Dương Kinh			4,5	330	16.415	9.849	198	1.970	40
1	Khu nhà ở Công nhân	Công ty TNHH Đình Vàng	P. Hải Thành	4,5	330	16.415	9.849	198	1.970	40
III	Quận Ngô Quyền			0,3	242	18.172	18.172	242	3.634	48
1	Dự án nhà ở xã hội tại số 39 Lương Khánh Thiện	CTCP Toa Xe Hải Phòng	39 Lương Khánh Thiện	0,3	242	18.172	18.172	242	3.634	48
VI	Huyện An Dương			3,1	934	76.697	76.697	934	71.297	839
1	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại xã An Đồng, huyện An Dương	CTCP dịch vụ đầu tư tài chính Hoàng Huy	Xã An Đồng – Huyện An Dương	3,1	934	76.697	76.697	934	71.297	839

**PHỤ LỤC II: DANH MỤC BỔ SUNG VỊ TRÍ DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN
NHÀ Ở TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ**

**1. DANH MỤC VỊ TRÍ, KHU VỰC DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN
NHÀ Ở THƯƠNG MẠI, KĐT, KDC**

STT	Vị trí và khu vực dự kiến phát triển nhà ở	Diện tích đất dự kiến (ha)
	THÀNH PHỐ	6.675,38
	Khu vực đô thị	3.373,38
	Khu vực nông thôn	3.301,99
I	Quận Hồng Bàng	234,29
1	Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng đường vào, đấu giá quyền sử dụng đất lô NO-2, TM7, tại Khu đô thị mới Sờ Dầu	0,40
2	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất lô đất H19.1/NO-6 (khu đất sau trụ sở phường Quán Toan)	1,74
3	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất ở tại khu Đồng Đồng Chuối 1 (đợt 2 – giai đoạn 2)	1,70
4	Dự án chỉnh trang đô thị, xây dựng đường vào, đấu giá quyền sử dụng đất lô TM7, tại Khu đô thị mới Sờ Dầu, phường Sờ Dầu,	1,10
5	Dự án chỉnh trang đô thị, cải tạo đường Quỳnh Cư – Trương Văn Lực thuộc khu Quỳnh Cư 1, Quỳnh Cư 2 tại phường Hùng Vương, quận Hồng Bàng	5,10
6	Đấu giá QSDĐ khu An Trì, phường Hùng Vương	0,70
7	Di chuyển các cơ sở Quốc phòng để thực hiện dự án Khu nhà ở, Trung tâm thương mại dịch vụ hiện đại tại phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng	5,93
8	Dự án Khu nhà ở, Trung tâm thương mại dịch vụ hiện đại tại phường Hạ Lý, quận Hồng Bàng	39,87
9	Chuyển đổi mục đích sử dụng đất từ đất quốc phòng sang đất ở tại phường Sờ Dầu, quận Hồng Bàng (Trại pháo C174)	2,35
10	Khu hồ điều hòa, biệt thự nhà vườn, vui chơi giải trí đầm Nam Giang	19,30
11	Dự án di chuyển các nhà máy sản xuất thép ra khỏi khu dân cư trên địa bàn quận (xây dựng khu phức hợp gồm: đất ở, TMDV và công viên cây xanh)	33,60
12	Dự án chỉnh trang đô thị và Đấu giá đất ở	0,34
13	Khu đô thị sinh thái thông minh đa chức năng Nam sông Cấm	118,30
14	Chỉnh trang đô thị khu vực xung quanh Trụ sở cũ Quận ủy - Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng và phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất, phường Hoàng Văn Thụ	1,16
15	Chỉnh trang đô thị và đấu giá quyền sử dụng đất tại Khu giữa, Cam Lộ, phường Hùng Vương	1,60
16	Chỉnh trang đô thị và đấu giá quyền sử dụng đất tại khu Đồng cánh Gà, An Trì, phường Hùng Vương	1,10
II	Quận Kiến An	195,86

STT	Vị trí và khu vực dự kiến phát triển nhà ở	Diện tích đất dự kiến (ha)
1	Dự án Trung tâm thương mại và nhà ở tại đường Bùi Viện	5,00
2	Dự án Khu đô thị Dương Kinh - Kiến An	40,70
3	Dự án nhà ở thương mại tại đường Quyết Tiến, phường Văn Đầu	5,00
4	Dự án nhà ở sinh thái tại đường Trần Phương, phường Văn Đầu	82,00
5	Dự án phát triển nhà ở dọc tuyến đường nối QL5-QL10, vành đai 3	34,31
6	Khu đô thị mới và chỉnh trang đô thị phường Đồng Hòa, quận Kiến An	8,23
7	Đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện Dự án nhà ở thương mại phục vụ chỉnh trang đô thị tại tổ dân phố Mỹ Khê Tây, phường Đồng Hòa, quận Kiến An	7,70
8	Đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện Dự án nhà ở thương mại phục vụ chỉnh trang đô thị tại tổ dân phố Mỹ Khê Đông, phường Đồng Hòa, quận Kiến An	3,80
9	Đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện Dự án nhà ở thương mại phục vụ chỉnh trang đô thị tại tổ dân phố Liên Sơn, phường Văn Đầu	3,42
10	Dự án KDT mới và chỉnh trang đô thị tại TDP Đầu Vũ 1, phường Văn Đầu (theo VB 1058/UBND-TTTTQĐ ngày 16/5/2022 của UBND quận Kiến An; VB 3128/UBND-XD1 ngày 12/5/2022 của UBND thành phố)	5,70
III	Quận Đồ Sơn	594,63
1	Đấu giá quyền sử dụng đất tại số 41 Đình Đoài, phường Hải Sơn	0,16
2	Đấu giá Dự án khu nhà ở tại phường Minh Đức (thu hồi của Công ty Viễn thông Hải Phòng)	1,19
3	Khu đất thu hồi của Tổng Công ty 28 – Bộ Quốc phòng tại phường Ngọc Xuyên, quận Đồ Sơn.	12,38
4	Khu phức hợp du lịch, nhà ở, thương mại, vui chơi giải trí quốc tế	40,40
5	Khu đô thị Bàng La (giai đoạn 1)	520,00
6	Khu hậu cần du lịch - nghỉ dưỡng cao cấp Hòn Dấu	20,50
IV	Huyện Vĩnh Bảo	242,49
1	Dự án nhà ở tại xứ đồng Chín thị trấn Vĩnh Bảo huyện Vĩnh Bảo	9,91
2	Khu dân cư mới Nhân Hòa	47,25
3	Khu dân cư Tam Cường - Lý Học	29,83
4	Khu đô thị và dịch vụ Vinh Quang	148,00
5	Khu dân cư tại Xã Tam Cường	2,50
6	Khu dân cư tại Xã Tam Đa	2,00
7	Khu dân cư tại Xã Lý Học.	3,00
V	Huyện Kiến Thụy	382,08
1	Khu đô thị tại thị trấn Núi Đồi	8,30
2	Khu đô thị thôn Tân Linh (xứ đồng La Tây, xứ đồng Năm), xã Minh Tân	21,92
3	Khu đô thị xã Đông Phương	77,84
4	Khu đô thị, thương mại tại thôn Đồng Rôi, xã Ngũ Đoan	40,00

STT	Vị trí và khu vực dự kiến phát triển nhà ở	Diện tích đất dự kiến (ha)
5	Khu đô thị tại Tân Trào - Đại Hà - Ngũ Đoan	27,07
6	Khu đô thị tại khu đồng Hồ Bến, đồng Cửa Lài, Cây Vông, thôn Cẩm La, xã Thanh Sơn; thôn Quế Lâm, xã Thụy Hương (DO51 theo Quy hoạch được Ban hành tại QĐ 1528/QĐ-UBND ngày 02/7/2018 của UBND thành phố)	5,98
7	Khu đô thị mới xã Thụy Hương	9,70
8	Khu đô thị tại thôn Đại Lộc 1 (Giáp khuôn viên cây xanh), xã Đại Hợp	19,38
9	Khu đô thị Dương Kinh - Kiến Thụy	115,00
10	Khu nhà ở xã Thanh Sơn	6,36
11	Khu nhà ở xã Thụy Hương (Giáp đường tỉnh lộ ĐT. 362)	12,00
12	Khu nhà ở xã Thụy Hương (Giáp đường tỉnh lộ ĐT. 363)	20,00
13	Khu nhà ở thôn Tân Linh, xã Minh Tân	1,80
14	Khu nhà ở thôn Vũ Vị, xã Minh Tân	3,20
15	Khu nhà ở thôn Trà Phương, xã Thụy Hương	1,70
16	DA ĐTXD khu nhà ở tại xã Minh Tân (phục vụ đấu giá khu đất trường ĐH Dân lập Hải Phòng (cơ sở 2).	11,83
VI	Huyện Tiên Lãng	362,13
1	Dự án Khu nhà ở thương mại tại thị trấn Tiên Lãng	26,50
2	Dự án đầu tư khu đô thị Việt Nam - Singapore thị trấn Tiên Lãng	8,80
3	Khu đô thị và du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, điều dưỡng, chăm sóc sức khỏe sử dụng nước khoáng nóng Tiên Lãng tại Cấp Tiến, Đoàn Lập	225,00
4	Dự án xây dựng khu dân cư mới xã Tiên Thắng	9,80
5	Dự án xây dựng khu dân cư mới xã Bắc Hưng	9,50
6	Dự án khu đô thị mới tại thị trấn Tiên Lãng	12,60
7	Dự án nhà ở huyện Tiên Lãng	1,50
8	Khu nhà ở tại xã Tiên Thanh (phục vụ Khu công nghiệp Tiên Thanh)	68,43
VII	Huyện An Dương	437,58
1	Khu nhà ở thương mại phục vụ chỉnh trang khu dân cư đô thị hiện hữu và khu dân cư nông thôn mới tại xã An Đồng và thị trấn An Dương	11,20
2	Khu đô thị xã An Đồng	1,74
3	Khu nhà ở thương mại phục vụ chỉnh trang khu dân cư nông thôn mới tại xã An Đồng	5,30
4	Dự án xây dựng nhà ở thương mại tại thôn Lê Sáng, xã An Hồng	4,87
5	Dự án Khu nhà ở thương mại tại thôn Phạm Dừng, xã An Hồng, huyện An Dương	7,89
6	Khu đô thị phức hợp sinh thái, giải trí, thể thao, du lịch và nghỉ dưỡng tại xã Bắc Sơn và xã Nam Sơn	38,00
7	Dự án nhà ở thương mại tại Khu Đầm Thấu, thôn 4	1,95

STT	Vị trí và khu vực dự kiến phát triển nhà ở	Diện tích đất dự kiến (ha)
8	Dự án nhà ở thương mại tại Khu Giếng Hồ, thôn 3	4,55
9	Dự án nhà ở thương mại tại Khu Mả sè, thôn 6	3,73
10	Dự án nhà ở thương mại tại thôn Tự Lập, xã Đặng Cương	6,40
11	Đấu giá quyền sử dụng đất hoặc đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư tại thôn Đồng Dụ xã Đặng Cương	9,50
12	Vị trí TT41 phát triển nhà ở thương mại tại xã Đồng Thái	7,92
13	Dự án nhà ở thương mại tại thôn Hoàng Mai, xã Đồng Thái	1,25
14	Dự án Khu đô thị tại xã Đồng Thái	74,00
15	Dự án xây dựng CSHT khu 5A tại xã Hồng Phong phục vụ giao đất cho công dân làm nhà ở	5,78
16	Dự án xây dựng CSHT khu 5B tại xã Hồng Phong phục vụ giao đất cho công dân làm nhà ở	2,72
17	Khu nhà ở thương mại phục vụ chỉnh trang khu dân cư nông thôn mới tại xã Hồng Phong	15,70
18	Khu dân cư tại xã Hồng Phong, huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.	12,78
19	Khu nhà ở thương mại và chung cư phục vụ chỉnh trang khu dân cư nông thôn mới tại xã Hồng Phong	1,40
20	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại thôn Hoàng Lâu, xã Hồng Phong	6,13
21	Khu nhà ở thương mại phục vụ chỉnh trang khu dân cư nông thôn mới tại xã Hồng Thái	14,00
22	Khu dân cư đô thị Trảng Duệ, huyện An Dương phục vụ xây dựng Thiết chế công đoàn	4,50
23	Dự án nhà ở thương mại tại khu đất cạnh Đình Cháy, thôn Đông Lương Quy, xã Lê Lợi	6,48
24	Dự án nhà ở thương mại tại Khu vườn vải thôn 1 Trảng Duệ	0,71
25	Dự án nhà ở thương mại tại Khu đất thôn Trạm Bạc	4,70
26	Dự án nhà ở thương mại tại thôn Dụ Nghĩa 1, xã Lê Thiện huyện An Dương	8,95
27	Dự án nhà ở thương mại tại thôn Dụ Nghĩa 2, xã Lê Thiện huyện An Dương.	0,37
28	Dự án nhà ở thương mại tại thôn Dụ Nghĩa 3, xã Lê Thiện huyện An Dương.	0,37
29	Đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án nhà ở thương mại tại thôn Cách Hạ, xã Nam Sơn	4,95
30	Dự án KDC Tân Tiến	8,86
31	Dự án KDC An Dương	9,94
32	Xây dựng nhà ở thương mại tại thôn Văn Phong	0,94
33	Dự án đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại xã Đặng Cương	5,17
34	Mở rộng KĐT Trảng Duệ (gđ 1)	150,00
VIII	Huyện Thủy Nguyên	1.100,57

STT	Vị trí và khu vực dự kiến phát triển nhà ở	Diện tích đất dự kiến (ha)
1	Khu đô thị mới tại xã Tân Dương và Dương Quan	48,80
2	Khu đô thị mới tại xã Thủy Đường, Thủy Sơn và An Lư	160,00
3	Khu đô thị mới tại xã Hoa Động	96,50
4	Khu đô thị ven kênh Hòn Ngọc tại xã Hoa Động	52,00
5	Khu đô thị Thủy Sơn tại xã Thủy Sơn	16,30
6	Khu đô thị 300 ha tại xã Hòa Bình	300,00
7	Khu đô thị 210 ha tại xã Lưu Kiếm	200,00
8	Khu đô thị 13ha tại xã Quảng Thanh	13,00
9	Khu đô thị tại xã Quảng Thanh	22,00
10	Khu nhà ở thương mại tại xã Lâm Động	25,00
11	Khu đô thị Việt Nam - Singapo tại xã Thiên Hương	17,00
12	Khu đô thị tại xã Lâm Động và Hoa Động	93,00
13	Dự án Việt Nhân 3 tại xã Thủy Đường và xã Hòa Bình	3,81
14	Dự án Việt Nhân 4 tại xã Thủy Đường và xã Hòa Bình	4,79
15	Dự án Việt Nhân 5 tại xã Thủy Đường và xã Hòa Bình	2,77
16	Lakeside Garden tại xã Thủy Đường và xã Hòa Bình	11,38
17	Diamond Belegavia tại xã Thủy Đường và xã Hòa Bình	6,66
18	Nam Long - Thủy Nguyên 1 tại xã Thủy Đường và xã Hòa Bình	9,95
19	Nam Long - Thủy Nguyên 2 tại xã Thủy Đường và xã Hòa Bình	12,30
20	Victory tại xã Thủy Đường và xã Hòa Bình	4,33
21	PARC SOLITAIRE tại xã Thủy Đường và xã Hòa Bình	0,98
IX	Huyện An Lão	152,59
1	Dự kiến phát triển khu đô thị mới tại thị trấn An Lão, xã An Tiến, xã An Thắng, huyện An Lão	34,70
2	Dự án khu dân cư tại xã Quốc Tuấn	32,99
3	Dự án khu nhà ở đô thị Hoàng Xá	34,90
4	KĐT Sakura (cạnh sân golf) An Lão (gđ 1)	50,00
X	Quận Hải An	178,52
1	Khu đô thị tại phường Trảng Cát	157,00
2	Khu nhà ở tại phường Đằng Lâm	2,00
3	Khu đất công ty TNHH thương mại và dịch vụ Duy Hưng tại phường Đằng Hải, quận Hải An giao Trung tâm Phát triển quỹ đất để đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở	0,28
4	Dự án Đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng nhà ở thương mại tại khu đất có diện tích 12.989,5m ² tại phường Nam Hải (Dự án đã được đưa vào kế hoạch phát triển nhà thành phố năm 2021 - Phụ lục II - QĐ 2259/QĐ-UBND)	1,30
5	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất các thửa: 209, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 207, 103, 104, 105, 106, 107, 108, 109, 110, 99, 98, 97, 96, 95, 94, 61, 60, 59, 58, 57, 56, 23, 22, 21 Tờ bản đồ 9, phường Đằng Hải, quận Hải An	0,92

STT	Vị trí và khu vực dự kiến phát triển nhà ở	Diện tích đất dự kiến (ha)
6	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất thửa đất 134, 171, 172, 133, 132, 131, 139, 175, 176 Tờ bản đồ 05, phường Đăng Hải, quận Hải An	0,27
7	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất các thửa 79, 80 Tờ bản đồ 18, phường Đăng Lâm, quận Hải An	0,38
8	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất các thửa đất 212a, 212b, 213, 215, 216 Tờ bản đồ 11, Tổ dân phố Hạ Đoạn 1, phường Đông Hải 2, quận Hải An	0,47
9	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất các thửa 434, 435, 436, 437, 438, 439, 440, 566, 567, 568, 569, 570, 571, 572 Tờ bản đồ số 7, phường Trảng Cát, quận Hải An	0,43
10	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất các thửa 337, 338, 339, 450, 451, 452, 453, 454, 455, 456, 457, 458, 459, 539, 540, 541, 542, 543, 546, 547, 548 Tờ bản đồ 7, phường Trảng Cát, quận Hải An	0,49
11	Dự án phát triển nhà ở thương mại lô đất ĐO 46-3 tại phường Đăng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	0,70
12	Khu đất của công ty cổ phần tập đoàn Phúc Lộc tại phường Nam Hải (giao TTPTQĐ thuộc Sở TNMT để đấu giá quyền sử dụng đất)	5,56
13	Khu nhà ở tại phường Đăng Lâm	2,00
14	Dự án khu nhà ở tại phường Đăng Hải- Nam Hải	6,71
XI	Quận Dương Kinh	2.161,22
1	Dự án nhà ở thương mại phục vụ chỉnh trang đô thị ven sông Lạch Tray tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh	1,98
2	Dự án Khu đô thị mới Hưng Đạo - Đa Phúc	50,00
3	Dự án khu đô thị mới Dương Kinh - Kiến An	85,40
4	Dự án khu đô thị mới Dương Kinh - Kiến Thụy (Quy mô 240ha: Dương Kinh: 125ha, Kiến Thụy: 115ha)	125,00
5	Khu đô thị mới tại phường Anh Dũng - Hòa Nghĩa	45,50
6	Dự án tái định cư xây dựng tuyến đường Vành đai II (đoạn Tân Vũ - Hưng Đạo - đường Bùi Viện)	25,00
7	Quy hoạch khu đô thị mới phường Hưng Đạo	55,00
8	Dự án giao đất ở cho nhân dân	54,70
9	Quy hoạch phát triển nhà phường Hòa Nghĩa	10,00
10	Quy hoạch phát triển nhà phường Hòa Nghĩa (Lô I.19.5 NO1, NO2, NO3 theo quy hoạch tỷ lệ 1/2000 quận Dương Kinh đã được thành phố phê duyệt tại Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 05/12/2013)	7,70
11	Quỹ đất 10% thuộc dự án đầu tư xây dựng nhà ở Anh Dũng V do Cty CP XNK Đầu tư tổng hợp GELEXIN) chuyển giao để thực hiện dự án đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở	0,94
12	KĐT Nam Hải Phòng	1.700,00
XII	Quận Lê Chân	8,86
1	Đấu giá khu đất Khu đô thị Hồ Sen Cầu Rào 2 (Lô CC/29-4)	1,13
2	Lô CC4 thuộc Dự án Khu đô thị nối đường Lạch Tray với đường	0,28

STT	Vị trí và khu vực dự kiến phát triển nhà ở	Diện tích đất dự kiến (ha)
	Hồ Sen – Cầu Rào 2.	
3	Dự án đấu giá lô N38-5	0,39
4	Khu Quán Sỏi	2,57
5	Khu đất thuộc lô A20 (gồm các ô OTM 20-2, OTM 20-3, HT 20-7, CX 20-4, P), đường Đinh Nhu	2,61
6	Dự án đầu tư xây dựng chỉnh trang đô thị (chung cư kết hợp Trung tâm thương mại, dịch vụ) tại lô OTM2-1, N2-3, CX2-4 thuộc ô phố A2 trong quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/2.000 quận Lê Chân	1,62
7	Dự án lô OTM 12-3 (444 chợ Hàng)	0,50
8	Dự án lô OTM 23-2 (276 hàng kênh)	2,40
9	DA NOTM tại số 1 Lán Bè, phường Lam Sơn	0,32
XIII	Huyện Cát Hải	495,89
1	Dự án Khu đô thị, dịch vụ du lịch khoáng nóng và công viên thể thao Xuân Đám	121,00
2	Dự án Khu đô thị, dịch vụ du lịch Cát Đồn tại xã Xuân Đám, xã Trân Châu	192,70
3	Dự án Khu đô thị, dịch vụ du lịch sinh thái cao cấp Phù Long	170,00
4	Dự án Khu nhà ở, du lịch dịch vụ Bến Bèo	12,19
XIV	Quận Ngô Quyền	128,66
1	Dự án tại số 6/215 Lê Lai	3,30
2	Dự án 47 Lê Lai	0,22
3	Dự án 45 Lê Lai (đấu giá quyền sử dụng đất)	0,24
4	Dự án 66 Trần Khánh Dư	0,54
5	Dự án tại số 2 Nguyễn Trãi	1,90
6	Khu nhà ở thương mại tại số 7/72 Lạch Tray	1,45
7	Khu nhà ở thấp tầng trên khu đất tại số 22 Trần Khánh Dư, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền	1,10
8	Khu đất thu hồi của Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất khẩu hóa chất đang quản lý tại số 3 Lê Lai, phường Lạc Viên để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở	1,13
9	Dự án chỉnh trang đô thị tại số 275 Lạch Tray, phường Đằng Giang, Quận Ngô Quyền	0,78
10	KĐT hỗn hợp đa chức năng ven sông Cấm	118,00

2. DANH MỤC VỊ TRÍ, KHU VỰC DỰ KIẾN PHÁT TRIỂN DỰ ÁN NHÀ Ở XÃ HỘI

STT	Vị trí, khu vực dự kiến	Diện tích đất dự kiến (ha)
	Toàn thành phố	433,19
	Khu vực đô thị	200,52
	Khu vực nông thôn	232,67
I	Q. Lê Chân	11,60
1	Khu nhà ở xã hội Khu đô thị Cầu Rào 2	9,00
2	Dự án Khu nhà ở xã hội tại Khu đô thị ven sông Lạch Tray phường Vĩnh Niệm	2,60
II	Q. Ngô Quyền	23,94
1	Khu nhà ở xã hội – Số 384 Lê Thánh Tông, phường Vạn Mỹ	6,88
2	Khu nhà ở xã hội – Tổng Kho 3 Lạc Viên (số 142 Lê Lai)	17,06
III	H. Tiên Lãng	33,88
1	Dự án khu nhà ở phục cán bộ công nhân viên và người lao động	9,90
2	Xây dựng khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Tiên Lãng 2	10,50
3	Xây dựng khu nhà ở công nhân khu công nghiệp Tiên Thanh	8,50
4	Dự án Khu đô thị mới thôn 4, xã Hùng Thắng	4,98
IV	Q. Kiến An	1,60
1	Khu đô thị mới tại phường Đồng Hòa quận Kiến An và các phường Hưng Đạo, Đa Phúc quận Dương Kinh	-
2	Đất xây dựng khu nhà ở và sản xuất	1,60
V	Q. Dương Kinh	1,98
1	Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở xã hội tại phường Hưng Đạo, quận Dương Kinh	1,98
VI	Q. Hải An	161,40
1	Khu nhà ở xã hội	23
2	Khu nhà ở thu nhập thấp	0,50
3	Dự án nhà ở công nhân Công ty TNHH Regiana	9,50
4	Dự án đầu tư nhà ở xã hội tại phường Tràng Cát, quận Hải An	126
5	Dự án nhà ở công nhân (thu hồi của Công ty TNHH Universal Scientific Industrial Việt Nam)	2,40
VII	H. An Dương	73,53
1	Khu nhà ở cho công nhân và chuyên gia Khu công nghiệp An Dương	11,50
2	Dự án nhà ở xã hội tại khu Đồng Giới xã An Đồng, thị trấn An Dương	56,00
3	Khu nhà ở xã hội thuộc DA Khu nhà ở PG An Đồng	0,63
4	Khu nhà ở xã hội tại xã Nam Sơn, huyện An Dương	5,40
VII	H. An Lão	84,60
1	Dự án xây dựng nhà ở xã hội xã An Tiến	12,24
2	Khu nhà ở công nhân thôn Khúc Giản, xã An Tiến	18,00
3	Dự án đầu tư xây dựng khu dịch vụ, nhà ở cho công nhân và cho người thu nhập thấp (S.E.V) thị trấn Trường Sơn	11,82

STT	Vị trí, khu vực dự kiến	Diện tích đất dự kiến (ha)
4	Khu đô thị mới tại thị trấn An Lão và các xã An Tiến, xã An Thắng huyện An Lão	34,70
5	Dự án xây dựng nhà ở xã hội	7,84
VIII	H. Thủy Nguyên	40,66
1	Dự án xây dựng nhà ở công nhân Công ty Regina Miracle International Việt Nam tại lô đất P3-RH12 tại xã Trung Hà, xã Thủy Triều	5,35
2	Dự án xây dựng nhà ở công nhân Công ty Regina Miracle International Việt Nam tại lô đất P5-E2 tại xã Trung Hà, xã Thủy Triều	4,14
3	Dự án nhà ở xã hội thuộc giai đoạn 1, 2 tại Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải phòng	14,50
4	Dự án nhà ở xã hội tại xã Thiên Hương và xã Kiền Bái	13,50
5	Dự án nhà ở công nhân của Công ty CP Thép Việt – Ý (trước đây là dự án đầu tư của Công ty CP Luyện thép Sông Đà)	0,97
6	Xây dựng NOXH trên khu đất của CTy TNHH TMDV Toàn Thắng tại xã Thủy Đường	2,20
XI	Các vị trí phát triển nhà ở xã hội (theo quy hoạch) tại các Khu/Cụm công nghiệp	0,00
1	Khu công nghiệp Trảng Duệ 3	Đất NOXH theo quy hoạch
2	Dự án Khu đô thị và dịch vụ Trảng Cát tại phường Trảng Cát, quận Hải An	Đất NOXH theo quy hoạch
3	Khu công nghiệp và khu phi thuế quan Xuân Cầu	Đất NOXH theo quy hoạch
4	Khu công nghiệp Thủy Nguyên	Đất NOXH theo quy hoạch
5	Khu công nghiệp Nam Trảng Cát	Đất NOXH theo quy hoạch
6	Khu công nghiệp Giang Biên II	Đất NOXH theo quy hoạch
7	Khu công nghiệp Tiên Thanh	Đất NOXH theo quy hoạch
8	Khu công nghiệp Tiên Lãng 1 + 2	Đất NOXH theo quy hoạch
9	Khu công nghiệp An Hòa	Đất NOXH theo quy hoạch
10	KCN Đào Cái Tráp	Đất NOXH theo quy hoạch
11	KCN Cầu Cự (VIDIFI Duyên Hải)	Đất NOXH theo quy hoạch
12	KCN An Hưng – Đại Bản (Công ty CP Tập đoàn VIDECON)	Đất NOXH theo quy hoạch
13	KCN Ngũ Phúc - Kiến Thụy (Cty CP Khu công nghiệp Đình Vũ; Công ty CPTĐ MIK đang đề xuất làm CĐT)	Đất NOXH theo quy hoạch
14	KCN Vinh Quang (Vĩnh Bảo)	Đất NOXH theo quy

STT	Vị trí, khu vực dự kiến	Diện tích đất dự kiến (ha)
		hoạch
15	KCN Nam Cầu Kiền (giai đoạn 2) (Công ty CP Shinec)	Đất NOXH theo quy hoạch
16	Cụm công nghiệp Giang Biên (Công ty TNHH MDA E&C)	Đất NOXH theo quy hoạch
17	Cụm công nghiệp Tân Trào (Công ty CP Sao mai Kiến Thụy)	Đất NOXH theo quy hoạch
18	Một số cụm công nghiệp khác	Đất NOXH theo quy hoạch

3. DANH MỤC VỊ TRÍ, KHU VỰC DỰ KIẾN THỰC HIỆN DỰ ÁN TÁI ĐỊNH CƯ, ĐẦU GIÁ ĐẤT (CÓ ĐẦU TƯ XD HTKT) CHO DÂN TỰ XD

STT	Vị trí, khu vực dự kiến	Diện tích đất dự kiến (ha)
	Toàn thành phố	511,68
	Khu vực đô thị	298,11
	Khu vực nông thôn	213,57
I	Huyện Thủy Nguyên	51,38
1	Khu đầu giá đầu tư XDHTKT cạnh nhà Văn hóa thôn 1, xã Đông Sơn	0,70
2	Khu đầu giá không đầu tư xây dựng HTKT Khu Bờ Hồ, xã Hòa Bình	0,38
3	Khu đầu giá đầu tư xây dựng HTKT Bãi Tè, thôn 1B, xã Lưu Kiếm	0,27
4	Khu đầu giá không đầu tư xây dựng HTKT Khu cạnh trường mầm non, thôn 2, xã Phả Lễ	0,03
5	Khu đầu giá đầu tư XDHTKT cạnh Sân bóng, xã Hoa Động	2,00
6	Khu đầu giá quyền sử dụng đất có XDHT KT tại thôn Bái Trong, xã Hoa Động	7,50
7	Khu đầu giá đầu tư XDHTKT Ủy ban nhân dân xã Ngũ Lão	0,50
8	Khu đầu giá đầu tư XDHTKT ven đường liên tỉnh Quảng Thanh	8,50
9	Khu đầu giá đầu tư XDHTKT tại thôn 1, xã Thiên Hương	1,30
10	Khu đầu giá đầu tư XDHTKT tại thôn Thầu Đậu, xã Dương Quan	1,20
11	Khu đầu giá đầu tư XDHTKT tại thôn 10, xã Thiên Hương	5,00
11	Khu TĐC phục vụ GPMB DA Hoàng Huy Green River tại xã Hoa Động và xã Lâm Động	24,00
II	Quận Kiến An	15,62
1	Dự án tái định cư Đồng Hòa	2,90
2	Dự án tái định cư tại tổ dân phố Đầu Vũ 3, phường Văn Đầu (khu vực giáp đường Chiêu Chinh và đường nối QL5-QL10)	5,00
3	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu TĐC tại Tổ dân phố Phương Khê, phường Đồng Hòa	3,00
4	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại đường Đầu Phụng, phường Văn Đầu	1,39
5	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại đường Quyết Tiến, phường Văn Đầu	1,66
6	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại tổ dân phố Đầu Sơn 1, phường Văn Đầu	0,715
7	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại tổ dân phố số 16, phường Trần Thành Ngọ	1,67
8	Dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất tại tổ dân phố Đồng Từ 2, phường Phù Liễn	0,726
9	Dự án đầu giá quyền sử dụng đất tại tổ dân phố Cấp Tiến 1, phường Tràng Minh	0,700
III	Huyện Kiến Thụy	9,42
1	Dự án đầu giá có xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Đồng Cửa, thôn Xuân La, xã Thanh Sơn	0,9
2	Dự án đầu giá có xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Cửa Ông Mạc, thôn	0,8

STT	Vị trí, khu vực dự kiến	Diện tích đất dự kiến (ha)
	Phường Đồi, xã Thụy Hương	
3	Dự án đấu giá có xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu ao Mốc, thôn Nhân Trai, xã Đại Hà	0,5
4	Dự án đấu giá có xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Đầm Danh, thôn 6, xã Tú Sơn	1
5	Dự án đấu giá có xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Đầm Cò, thôn Úc Gián, xã Thuận Thiên	0,4
6	Dự án đấu giá có xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Cửa đội 9, thôn Xuân Úc, xã Thuận Thiên	0,4
7	Dự án đấu giá có xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Đồng Cao, thôn Cốc Liễn, xã Minh Tân	0,6
8	Dự án đấu giá có xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Dộc Cây, thôn Thống Nhất, xã Minh Tân	0,3
9	Dự án đấu giá có xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu Cửa Tồn, thôn Cốc Liễn, xã Minh Tân	0,1
10	Dự án đấu giá có xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu phía Nam NVH, thôn Kim Đới 2, xã Hữu Bằng	1,3
11	Khu tái định cư các dự án “Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển” và dự án “Xây dựng tuyến đường nối tỉnh lộ 354 với tuyến đường bộ ven biển” trên địa bàn huyện Kiến Thụy - Thôn 2, xã Tú Sơn, huyện Kiến Thụy	0,17
12	Khu tái định cư tại thôn Kim Sơn, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy - Thôn Kim Sơn, xã Tân Trào, huyện Kiến Thụy	0,31
13	Khu tái định cư tại thôn Lạng Côn, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy - Thôn Lạng Côn, xã Đông Phương, huyện Kiến Thụy	0,87
14	Khu tái định cư tại thôn Mai Dương, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy - Thôn Mai Dương, xã Ngũ Phúc, huyện Kiến Thụy	1,77
IV	Quận Đồ Sơn	4,78
1	Khu TĐC Ngọc Xuyên - Vạn Hương	2,78
2	Khu TĐC phường Hợp Đức	2,00
3	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Ngọc Xuyên Lô N36-2	4,71
4	Dự án xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường phường Ngọc Xuyên Lô N36-3	4,35
5	Xây dựng cơ sở hạ tầng để triển khai đấu giá quyền sử dụng đất tại phường Minh Đức Lô N24-2 và Lô N24-3	4,69
V	Huyện An Lão	120,67
1	Đất đã thu hồi từ Dự án khu dịch vụ nhà ở cho công nhân thuê của Công ty TNHH thương mại Minh Việt tại thị trấn Trường Sơn bàn giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện An Lão theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 15/6/2011 của UBND thành phố	2,00
2	Khu Xuân Áng, thị trấn Trường Sơn	4,00
3	Khu đấu giá đất ở thôn Câu Đông (TĐC)	3,00
4	Khu đấu giá đất ở thôn Câu Hạ A-B	3,00
5	Khu đấu giá đất ở và nhà ở công nhân Hạ Câu	10,00
6	Đấu giá làm nhà ở tại thôn Tôn Lộc	0,34

STT	Vị trí, khu vực dự kiến	Diện tích đất dự kiến (ha)
7	Đầu giá làm nhà ở tại thôn Mông Thượng	0,20
8	Đầu giá làm nhà ở tại thôn Đoàn Dũng	0,87
9	Đầu giá làm nhà ở tại thôn Trung Thanh Lang	0,38
10	Đầu giá làm nhà ở tại thôn Lai Hạ	0,40
11	Đầu giá làm nhà ở tại thôn Độc Lập	0,30
12	Đầu giá làm nhà ở tại khu Văn Tráng 2	1,00
13	Đầu giá làm nhà ở tại khu An Tráng	1,00
14	Đầu giá làm nhà ở tại thôn Cầu Thượng	0,65
15	Đầu giá làm nhà ở tại thôn Bạch Cầu	0,25
16	Khu TĐC và đầu giá gần nhà máy nước xã Bát Trang (Mở rộng khu công nghiệp Trảng Duệ 3)	9,19
17	Khu TĐC và đầu giá (đổi diện trạm y tế xã An Tiến dự kiến Dự án đường Vành đai 3)	11,20
18	Khu TĐC và đầu giá thôn Phương Hạ (DA đường nối Tiên Lãng-An Lão)	3,10
19	Khu TĐC và đầu giá thôn Xuân Sơn	4,20
20	Khu TĐC và đầu giá thôn Hòa Chừ (Mở rộng Khu Công nghiệp Trảng Duệ 3)	1,60
21	Đất đã thu hồi từ Dự án khu dịch vụ nhà ở cho công nhân thuê của Công ty TNHH thương mại Minh Việt tại thị trấn Trường Sơn bàn giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện An Lão theo Quyết định số 903/QĐ-UBND ngày 15/6/2011 của UBND thành phố	2,00
22	Đầu giá quyền sử dụng đất có XD HTKT vào mục đích làm nhà ở tại thôn Thượng Tráng (điểm 1), xã Bát Trang, huyện An Lão.	0,22
23	Đầu giá quyền sử dụng đất có XD HTKT vào mục đích làm nhà ở tại thôn Thượng Tráng (điểm 2), xã Bát Trang, huyện An Lão.	0,26
24	Đầu giá quyền sử dụng đất có XD HTKT vào mục đích làm nhà ở tại thôn Nghĩa Tráng, xã Bát Trang, huyện An Lão.	0,29
25	Đầu giá quyền sử dụng đất có XD HTKT vào mục đích làm nhà ở tại thôn Quyết Tiến 3, xã An Thắng, huyện An Lão.	0,08
26	Đầu giá quyền sử dụng đất có XD HTKT vào mục đích làm nhà ở tại thôn Đâu Kiên, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão.	0,38
27	Đầu giá quyền sử dụng đất có XD HTKT vào mục đích làm nhà ở tại thôn Cẩm Văn, xã Quốc Tuấn, huyện An Lão.	2,56
28	Khu đầu giá có XD HTKT khu Hoàng Xá, thị trấn An Lão	0,27
29	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Phương Chừ Tây, xã Trường Thành(điểm 1)	0,50
30	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Phương Chừ Tây, xã Trường Thành(điểm 2)	0,49
31	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Bách Phương 1, xã An Thắng	0,45
32	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Áng Sơn, xã Thái Sơn	0,16
33	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Thạch Lựu(điểm 1), xã An Thái	0,47
34	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Vị Xuyên, xã Tân Dân	0,44
35	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Đại Hoàng 4, xã Tân Dân	0,10

STT	Vị trí, khu vực dự kiến	Diện tích đất dự kiến (ha)
36	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Xuân Đài 1, xã Trường Thọ	0,39
37	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Ngọc Chử 2, xã Trường Thọ	0,48
38	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Tôn Lộc, xã Chiến Thắng	0,34
39	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Mông Thượng, xã Chiến Thắng	0,13
40	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Đoàn Dũng, xã Thái Sơn	0,87
41	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Trung Thanh Lang, xã An Thái	0,37
42	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Lai Hạ- xã Tân Dân	0,33
43	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Độc Lập- xã An Thọ	0,24
44	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Văn Tràng 2- thị trấn Trường Sơn	0,50
45	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Văn Tràng 2- thị trấn Trường Sơn	0,50
46	Khu đầu giá có XD HTKT thôn An Tràng - thị trấn Trường Sơn	0,50
47	Khu đầu giá có XD HTKT thôn An Tràng - thị trấn Trường Sơn	0,50
48	Khu đầu giá thôn Câu Thượng- xã Quang Hưng	0,65
49	Khu đầu giá có XD HTKT thôn Bạch Câu- xã Quốc Tuấn	0,24
50	Khu TĐC và đầu giá có XD HTKT gần nhà máy nước xã Bát Trang(Mở rộng khu công nghiệp Trảng Duệ 3)	9,19
51	Khu TĐC và đầu giá có XD HTKT (đối diện trạm y tế xã An Tiến dự kiến Dự án đường Vành đai 3)	11,20
52	Khu TĐC và đầu giá có XD HTKT thôn Phương Hạ(DA đường nối Tiên Lãng-An Lão)	3,10
53	Khu TĐC và đầu giá thôn Xuân Sơn	4,20
54	Khu TĐC và đầu giá có XD HTKT thôn Hòa Chử(Mở rộng Khu Công nghiệp Trảng Duệ 3)	1,60
55	Khu đầu giá đất ở có XD HTKT Xuân Áng, thị trấn Trường Sơn	4,00
56	Khu đầu giá đất ở có XD HTKT thôn Câu Đông (TĐC), xã Quang Trung	3,00
57	Khu đầu giá đất ở có XD HTKT thôn Câu Hạ A-B, xã Quang Trung	3,00
58	Khu đầu giá đất ở và nhà ở công nhân có XD HTKT thôn Hạ Câu, xã Quốc Tuấn	10,00
VI	Quận Hồng Bàng	15,16
1	Dự án tái định cư phục vụ dự án Chinh trang sông Tam Bạc (giai đoạn 2) đoạn từ cầu Lạc Long đến cầu Hoàng Văn Thụ	2,40
2	Dự án tái định cư phục vụ dự án đầu tư xây dựng Công viên phía Nam cầu Hoàng Văn Thụ	2,10
3	Dự án tái định cư, nhà ở xã hội và hạ tầng cây xanh khu Kiến Thiết phường Sở Dầu	9,46
4	Xây dựng lại chung cư Nguyễn Thái Học	0,20
5	Dự án Khu tái định cư An Trì, tại phường Hùng Vương	0,80
6	Khu tái định cư thuộc Dự án chỉnh trang đô thị khu vực xung quanh Trụ sở cũ Quận ủy - Ủy ban nhân dân quận Hồng Bàng và phục vụ đầu giá quyền sử dụng đất, phường Hoàng Văn Thụ	0,20
VII	Huyện An Dương	5,28
1	Dự án tái định cư tại xã An Đồng, huyện An Dương	5,28

STT	Vị trí, khu vực dự kiến	Diện tích đất dự kiến (ha)
VII	Quận Ngô Quyền	29,42
1	Dự án tại ngõ 226 Lê Lai	16,76
2	Dự án Tổng kho 3 Lạc Viên	12,20
3	Dự án tại 83 đường Vòng Vạn Mỹ	0,46
VIII	Huyện Vĩnh Bảo	28,91
1	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn 3, Xã Cổ Am	0,46
2	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn 5, Xã Cổ Am	0,60
3	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn 3, Xã Lý Học	0,12
4	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn 1, Xã Lý Học	0,98
5	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Đồng Tâm, Xã Trần Dương	0,24
6	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn 7, Xã Cao Minh	0,11
7	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn 6, Xã Cao Minh	0,65
8	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Cổ Đằng, Xã Tân Liên	0,27
9	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Bắc Hải, Xã Tân Liên	0,45
10	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Linh Đông, Xã Tiên Phong	0,41
11	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Bắc Tạ 1 và thôn Phương Tường, Xã Hùng Tiến	1,11
12	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại Cụm 7, thôn Gia Phong, Xã Tân Hưng	0,11
13	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại Cụm 8, thôn Gia Phong, Xã Tân Hưng	0,33
14	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại Khu dân cư Bắc Hải, thị trấn Vĩnh Bảo	1,09
15	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Nhân Mục, Xã Nhân Hòa (Phía sau Bệnh viện Đa khoa huyện)	8,34
16	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn Nhân Mục, Xã Nhân Hòa (Giáp khu tái định cư)	8,68
17	Đấu giá quyền sử dụng đất vào mục đích làm nhà ở tại thôn An Cầu, Xã Vĩnh An	2,88
18	Khu tái định cư tại xứ đồng Mạ Thung, thôn 1, xã Lý Học, huyện Vĩnh Bảo	0,36
19	Khu tái định cư tại xứ đồng Vườn Nôi, thôn 1, Nam Am, xã Tam Cường, huyện Vĩnh Bảo	0,98
20	Khu tái định cư tại xứ đồng Cửa Bia, thôn 1, xã Vĩnh Tiến, huyện Vĩnh Bảo	0,16

STT	Vị trí, khu vực dự kiến	Diện tích đất dự kiến (ha)
21	Khu tái định cư xứ đồng Vườn Lãng, đường Ngói, thôn 2, xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo	0,59
VIII	Huyện Tiên Lãng	44,10
1	Dự án đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng công trình dịch vụ, thương mại, văn phòng tại thôn Bắc Phong xã Kiến Thiết	0,37
2	khu đất đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đầu tư đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng công trình dịch vụ, thương mại, văn phòng tại thôn Bắc Phong xã Kiến Thiết	0,03
3	khu đất đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ đầu tư đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng công trình dịch vụ, thương mại, văn phòng tại thôn Bắc Phong xã Kiến Thiết	0,24
4	khu đất đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đầu tư đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng công trình dịch vụ, thương mại, văn phòng tại thôn Bắc Phong xã Kiến Thiết	1,45
5	khu đất đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đầu tư đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng công trình dịch vụ, thương mại, văn phòng tại thôn Bắc Phong xã Kiến Thiết	0,13
6	khu đất đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đầu tư đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng công trình dịch vụ, thương mại, văn phòng tại thôn Bắc Phong xã Kiến Thiết	0,07
7	Khu đất đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ đầu tư đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng công trình dịch vụ, thương mại, văn phòng tại thôn Bắc Phong xã Kiến Thiết	0,29
8	khu đất đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng đầu tư đầu tư thực hiện đầu tư xây dựng công trình dịch vụ, thương mại, văn phòng tại thôn Bắc Phong xã Kiến Thiết	0,02
9	Khu tái định cư GPMB khu công nghiệp Tiên Thanh	11,50
10	Dự án tái định cư GPMB tại xã Hùng Thắng	15,00
11	Dự án tái định cư GPMB tại xã Vinh Quang	15,00
IX	Quận Hải An	20,54
1	Dự án đầu tư xây dựng Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Đông Hải 1, quận Hải An phục vụ giải phóng mặt bằng Dự án cải tạo, nâng cấp đường 356 đoạn 2A từ ngã 3 Nguyễn Bình Khiêm đến đập Đình Vũ	2,60
2	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng tuyến đường giao thông công cộng 40m tại phường Đằng Hải, quận Hải An (2,25ha)	2,00
3	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư (13.500m ²) tại lô Đ066-1 phường Đằng Hải, phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn quận Hải An	0,91
4	Dự án xây dựng khu tái định cư tại khu đất 9,2ha phường Thành Tô, quận Hải An	9,20
5	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư (13.500m ²) tại lô Đ066-1 phường Đằng Hải, phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn quận Hải An	0,11
6	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư (13.500m ²) tại lô Đ066-1 phường Đằng Hải, phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn quận Hải An	0,04
7	Dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư (13.500m ²) tại lô Đ066-1 phường Đằng Hải, phục vụ giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm trên địa bàn quận Hải An	0,03

STT	Vị trí, khu vực dự kiến	Diện tích đất dự kiến (ha)
	đường Trung Lực, phường Đăng Lâm, quận Hải An	
8	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất thừa đất 99 Tờ bản đồ 12, Tổ dân phố Hạ Đoạn 1, phường Đông Hải 2, quận Hải An	0,06
9	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất thừa đất 542, 543, 544, 545, 546 Tờ bản đồ số 22, phường Trảng Cát, quận Hải An	0,04
10	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất thừa đất 382 Tờ bản đồ 4, phường Đăng Hải, quận Hải An	0,05
11	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất thừa đất 436 Tờ bản đồ 4, phường Đăng Hải, quận Hải An	0,03
12	Dự án đấu giá quyền sử dụng đất có quy mô 5,4ha tại phường Thành Tô, quận Hải An (Dự án đã được đưa vào kế hoạch phát triển nhà thành phố năm 2021 - Phụ lục II - QĐ 2259/QĐ-UBND)	5,47
X	Quận Dương Kinh	197,59
1	Dự án đấu giá QSDĐ tại vị trí 9,8 ha	7,85
2	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Trà Khê	0,70
3	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Ninh Hải	11,00
4	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Ninh Hải	8,00
5	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Phần Dũng	0,15
6	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Phúc Hải 4	5,40
7	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Phúc Hải 4	2,20
8	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP số 1 (cửa bà Tít)	1,18
9	Dự án đấu giá QSDĐ sau vị trí trường mầm non Tiểu Trà	0,30
10	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP số 3 (cửa ông Viễn)	0,30
11	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP số 6 (cửa bà Vê)	0,23
12	Dự án đấu giá QSDĐ tại vị trí sau trường Tiểu học Hưng Đạo	0,60
13	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP số 3 (cửa bà Nguyễn)	0,06
14	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP số 3 (cửa bà Cách)	0,03
15	Dự án đấu giá QSDĐ tại cửa chùa Tiểu Trà	0,02
16	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP số 10 (cửa ông Thịnh)	0,04
17	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP số 1 (cửa ông Lịch)	0,08
18	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP số 2 (cửa ông Chính)	0,05
19	Dự án đấu giá QSDĐ tại vị trí sau công ty nhựa Thiếu niên Tiền Phong	1,80
20	Dự án đấu giá QSDĐ tại cửa chùa Vọng Hải	3,75
21	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Thủy Giang	5,70
22	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Thủy Giang	4,50
23	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Thủy Giang	7,88
24	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Thủy Giang	10,90
25	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Tân Lập	3,50
26	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Tân Lập	4,70
27	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Tân Lập	3,30
28	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Tân Lập	7,20
29	Dự án đấu giá QSDĐ tại TDP Tân Lập	9,40

STT	Vị trí, khu vực dự kiến	Diện tích đất dự kiến (ha)
30	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP Tân Lập	8,60
31	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP Tân Lập	7,20
32	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP Tân Hợp	8,70
33	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP Tân Hợp	3,10
34	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP Tân Hợp	3,08
35	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP Tân Hợp	1,83
36	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP Tân Hợp	5,97
37	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP Tân Tiến	11,12
38	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 12 (sau nhà thờ)	0,50
39	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 12 (ngõ ông Mừng)	0,38
40	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 2 (gần chợ Hải Phong)	0,75
41	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 2 (đối diện chùa)	2,63
42	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 2	2,14
43	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 1 (sau ông Ngọc)	3,82
44	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 1	4,30
45	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 1 (gần cao tốc)	10,26
46	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 1 (sau ông Long)	1,55
47	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 6 (ngõ bà Luận)	1,98
48	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 5 (sau ông Giao)	1,63
49	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 5	2,55
50	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 5 (đường nhà Mạc)	2,89
51	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 10 (gần cổng Lai)	5,30
52	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 11 (cửa bà Đuộm)	1,88
53	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 11 (cửa ông Tài)	0,98
54	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 9 (sau ông Tài)	1,98
55	Dự án đầu giá QSDĐ tại TDP số 5 (sau ông Tài)	1,65
XI	Quận Lê Chân	15,00
1	Khu tái định cư A52	15,00
XII	Huyện Cát Hải	3,25
1	Khu đất 10% thuộc Khu đô thị du lịch Cái Giá - Cát Bà	3,25